

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3582/UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2024

V/v báo cáo kết quả thực hiện
các kiến nghị của Kiểm toán
nhà nước.

Kính gửi:

- Ủy ban Tài chính, ngân sách Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII.

Thực hiện Báo cáo kiểm toán kèm theo công văn số 184/KTNN-TH ngày 24/10/2023 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo kiểm toán NSDP, báo cáo quyết toán NSDP 2022 và các chuyên đề lồng ghép tại tỉnh Khánh Hòa; trên cơ sở báo cáo rà soát của các cơ quan, đơn vị, địa phương và số liệu theo dõi đến ngày 25/03/2024 của Sở Tài chính tại công văn số 1313/STC-QLNS ngày 25/3/2024, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước như sau:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải thực hiện là: 3.872.716.556.961 đồng. Đến thời điểm ngày 25/03/2024 đã thực hiện 3.637.700.529.075 đồng, đạt tỷ lệ 93,9%; chưa thực hiện: 235.016.027.886 đồng, chiếm tỷ lệ 6,1%. Cụ thể các nội dung như sau:

I. Các cuộc Kiểm toán thực hiện từ năm 2020 trở về trước:

Số kiến nghị theo xác nhận của Kiểm toán nhà nước phải thực hiện là: 2.621.013.499.934 đồng. Đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 2.561.985.036.524 đồng, đạt tỷ lệ 97,7%; chưa thực hiện: 59.028.463.410 đồng, chiếm tỷ lệ 2,3%. Cụ thể:

1. Cuộc kiểm toán ngân sách nhà nước niên độ 2011

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán số 23/KTNN-TH ngày 17/01/2013: 9.169.578.000 đồng, đến thời điểm 25/3/2024 đã thực hiện 9.085.076.000 đồng, đạt tỷ lệ 99,1%; chưa thực hiện: 84.502.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,9%, trong đó:

- Thu hồi nộp NS các khoản chi sai quy định đối với gói thầu xây lắp Cầu Bình Tân 2 và Gói thầu xây lắp đường dẫn hai đầu cầu: 84.502.000 đồng.

Do Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh không liên hệ được với Công ty TNHH An Bình (địa chỉ đăng ký ở tỉnh Bình Định) nên không có khả năng thực hiện kiến nghị.

2. Cuộc kiểm toán ngân sách địa phương niên độ năm 2013

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 279/KTNN-TH ngày 31/10/2014: 7.155.051.593 đồng, đến thời điểm 25/3/2024 đã thực hiện 6.520.381.000 đồng, đạt tỷ lệ 91,1%; chưa thực hiện: 634.670.593 đồng, chiếm tỷ lệ 8,9%. Các nội dung chưa thực hiện bao gồm:

Ban Quản lý HĐND và UBND huyện Diên Khánh : 134.215.000 đồng.
thu hồi nộp các NSNN các khoản chi sai quy định

Ban Quản lý HĐND và UBND huyện Diên Khánh đã nhiều lần liên hệ nhưng đơn vị thi công không phản hồi. Hiện nay đơn vị thi công đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nên không thể thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị tăng thu Công ty TNHH Hoàng Phú DK (500.455.593 đồng): Theo báo cáo của Cục Thuế Khánh Hòa, Chi cục Thuế huyện Diên Khánh đã xác minh tài sản để cưỡng chế nhưng Công ty không còn tài sản. Đến nay, Công ty không còn hoạt động tại địa điểm đăng ký (Chi cục Thuế đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh). Ngày 13/11/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Hoàng Phú DK. Ngày 30/10/2020, Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 3856/QĐ-CCT khoan số tiền nợ 500.455.593 đồng nói trên thuộc diện người nộp thuế bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội.

3. Cuộc kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2015 tại thị xã Ninh Hòa

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 620/TB-KTNN ngày 15/12/2016: 2.505.700.000 đồng, đến thời điểm báo cáo địa phương đã hoàn thành 100% kiến nghị kiểm toán.

4. Thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương niên độ năm 2017

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo ngày 246/KV VIII ngày 10/10/2019: 1.849.105.797.854 đồng, đến thời điểm 25/3/2024 đã thực hiện 1.839.645.951.037 đồng, đạt tỷ lệ 99,5%; chưa thực hiện: 9.459.846.817 đồng, chiếm tỷ lệ 0,5%; trong đó:

- Thu hồi kinh phí hỗ trợ chi điều tra môi trường : 100.000.000 đồng.
cho Hội Trí thức tỉnh

Về nội dung này, địa phương đã nhiều lần gửi công văn đôn đốc Hội Trí thức tỉnh báo cáo và giải trình các nội dung liên quan đến việc chậm trễ thực hiện kiến nghị kiểm toán. Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, đơn vị vẫn chưa thực hiện. đề nghị Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- Dự án Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, thành phố Nha Trang: Gói thầu số 01 - san nền dờ dang trong diện tích 90.010,99 m² của gói thầu - San nền (GD 1) và kè sông : 833.333.000 đồng.

Hiện nay Công ty CP Xây dựng Vinashin Nha Trang đã không còn tồn tại, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rút giấy phép đăng kí kinh doanh nên không thể thu hồi số tiền này. Vì vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị Kiểm toán Nhà nước đưa nội dung này ra khỏi kiến nghị kiểm toán.

- Bố trí kế hoạch vốn để thu hồi các khoản ứng trước dự toán chi đầu tư từ năm 2014, 2015 : 2.943.756.000 đồng.

- Theo dõi để thu hồi các khoản tạm ứng từ năm 2016 trở đi của ngân sách địa phương : 5.386.000.000 đồng.

Hiện nay, Sở Tài chính đang rà soát và đôn đốc các đơn vị thực hiện việc hoàn ứng.

- Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Phúc Bình Minh (196.757.817 đồng): Ngày 24/3/2020, Chi cục Thuế huyện Khánh Sơn đã ban hành Thông báo số 5665/TB-CCT về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế và đã tiến hành phân loại nợ thuộc nhóm nợ khó thu. Đến ngày 30/10/2020, Chi cục Thuế huyện Khánh Sơn đã ban hành Quyết định số 3862/QĐ-CCT khoan số tiền nợ 196.757.817 đồng thuộc diện người nộp thuế bỏ địa chỉ kinh doanh theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội do đó không có khả năng thu hồi khoản nợ thuế nêu trên.

5. Thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2018

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 505/KTNN-TH ngày 24/10/2019: 609.483.126.396 đồng, đến thời điểm báo cáo, các đơn vị đã thực hiện 100% các kiến nghị của kiểm toán.

6. Kiểm toán chuyên đề BT

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 505/KTNN-TH ngày 24/10/2019: 64.919.026.982 đồng, đến thời điểm báo cáo, các đơn vị đã thực hiện 100% các kiến nghị của kiểm toán.

7. Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường cát hạ cánh số 02 – Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 176/KTNN-TH ngày 03/8/2020: 1.754.861.109 đồng, đến thời điểm báo cáo đơn vị đã hoàn thành 100% kiến nghị Kiểm toán.

8. Cuộc Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: 1.532.357.000 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 BQL Khu kinh tế Vân Phong đã thực hiện 768.629.000 đồng, đạt tỷ lệ 50,2%; chưa thực hiện 763.728.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49,8%, cụ thể:

- Thu hồi nộp NSNN: Rà phá bom mìn và Tư vấn giám sát của 02 dự án Cải tuyến tỉnh lộ 1B và Xây dựng CSHT khu TĐC Xóm Quán : 763.728.000 đồng.

BQL Khu Kinh tế Vân Phong đã nhiều lần có văn bản đề nghị các nhà thầu thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán tuy nhiên đơn vị không thực hiện và không có văn bản phản hồi.

9. Kiểm toán Dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo ngày 23/8/2016: 1.798.980.000 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 1.439.741.000 đồng, đạt tỷ lệ 80%; chưa thực hiện: 359.239.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20%; trong đó:

- Gói thầu NT-3.2: Xây dựng bãi chôn lấp mới tại Lương Hòa và đóng cửa bãi rác Rù Rì hiện hữu: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định : 176.226.000 đồng.

- Gói thầu NT-2.1 Nhà máy xử lý nước thải phía Nam: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định : 183.013.000 đồng.

Ban QLDA Phát triển tỉnh đã nhiều lần đôn đốc nhưng các nhà đầu tư là Tổng công ty CP ĐTXD và Thương mại Việt Nam - Constremxim Holdings và Công ty Kumho Industrial Co., Ltd không thực hiện và cũng không có phản hồi. Qua trao đổi với Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa, đơn vị không có khả năng hoàn thành nội dung kiến nghị này.

10. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường Phong Châu, thành phố Nha Trang

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 251/KV VIII-TH ngày 27/12/2018: 8.520.953.000 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 6.101.915.000 đồng, đạt tỷ lệ 71,6%; chưa thực hiện: 2.419.038.000 đồng, chiếm tỷ lệ 28,4%; trong đó:

- Gói thầu 4: Bảo hiểm công trình : 279.831.000 đồng.
- Gói thầu số 12A – Đảm bảo giao thông cầu Quán Trường: xử lý tài chính khác : 626.914.000 đồng.
- Chi phí hỗ trợ, di dời theo Quyết định 3012/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 di dời hệ thống điện trung hạ áp đoạn từ đường tránh cầu Quán Trường đến cuối dự án : 1.512.293.000 đồng.

Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa báo cáo sẽ hoàn thành các nội dung kiến nghị của Kiểm toán trong tháng 4/2024.

11. Kiểm toán Dự án Đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Bưu Điện tỉnh đến Mũi Kê Gà) tỉnh Khánh Hòa

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 105/KTNN-TH ngày 02/6/2010: 127.083.000 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đơn vị chưa thực hiện được kiến nghị của Kiểm toán. Các nội dung chưa thực hiện cụ thể như sau:

- Đường đê - Hồ tiên (Km6+100-Km8+100) Hạng mục nền + móng đường, Bordure, bãi đỗ xe, hệ thống thoát nước, kè ta luy, rãnh bê tông : 97.503.000 đồng
- Đê bảo vệ đường Phạm Văn Đồng - Hạng mục: Lan can đỉnh kè - Bê tông sơn giả gỗ: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định : 29.580.000 đồng

Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đã nhiều lần có văn bản gửi các nhà thầu yêu cầu nộp trả số tiền Kiểm toán nhà nước đề nghị thu hồi tuy nhiên đến nay các nhà thầu chưa thực hiện.

12. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang – Diên Khánh (Cao Bá Quát, Cầu Lùng)

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 666/TB-KTNN ngày 11/12/2018: 64.940.985.000 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 19.760.629.000 đồng, đạt tỷ lệ 30,4%; chưa thực hiện: 45.180.356.000 đồng, chiếm tỷ lệ 69,6%. Các nội dung chưa thực hiện cụ thể như sau:

- Gói thầu số 06a thi công xây dựng công trình đoạn từ đầu tuyến đến Km2+357 : 4.554.806.000 đồng
- Gói thầu số 06b thi công xây dựng công trình đoạn từ Km2+3 57 đến cuối tuyến : 38.929.586.000 đồng
- Chi phí lập lại DAĐT: chưa chấp nhận giá trị : 1.257.208.000 đồng

quyết toán giữa nhà thầu và chủ đầu tư

- Chi phí đền bù hạ tầng kỹ thuật: chưa chấp nhận giá trị quyết toán giữa nhà thầu và chủ đầu tư : 438.756.000 đồng

Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với nhà thầu thực hiện việc phân khai khối lượng theo từng thời điểm thi công, lập hồ sơ điều chỉnh giá để làm cơ sở thực hiện tính toán điều chỉnh giá trị hợp đồng theo hình thức hợp đồng đơn giá điều chỉnh. Vì vậy, Ban QLDA đang tổng hợp hồ sơ để báo cáo Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII xem xét lại số liệu.

II. Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2021:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước là 527.147.300.566 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 394.557.024.258 đồng, đạt tỷ lệ 74,8%; chưa thực hiện: 132.590.276.308 đồng, chiếm tỷ lệ 25,2%. Cụ thể:

1. Kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 115/TB-KTNN ngày 24/6/2021: 491.830.590.709 đồng; đến thời điểm ngày 25/3/2024, các đơn vị đã thực hiện 381.270.295.258 đồng, đạt tỷ lệ 77,5%; chưa thực hiện: 110.560.295.451 đồng, chiếm tỷ lệ 22,5%; trong đó:

- Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa : 5.140.539.902 đồng.

Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Diên Khánh đang đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện kiến nghị của Kiểm toán.

- Tạm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các dự án : 105.419.755.549 đồng

Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa đang phối hợp với và các cơ quan có liên quan đang tiến hành việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, quyền thuê đất theo kiến nghị của kiểm toán.

2. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án trụ sở anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa:

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo ngày 29/01/2021: 14.579.931.857 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 374.391.000 đồng, đạt tỷ lệ 2,6 %; chưa thực hiện: 14.205.540.857 đồng, chiếm tỷ lệ 97,4%. Các nội dung chưa thực hiện, cụ thể như sau:

- Dự án Trụ sở làm việc của Đài PT - TH Khánh Hòa : 14.205.540.857 đồng.

Nhà đầu tư đang trình điều chỉnh bổ sung các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện nhưng đến nay chưa được giải quyết (Sở KHĐT báo cáo UBND tỉnh tại công văn số 1224/SKHĐT-TĐ ngày 19/4/2021). Do đó, chưa thực hiện theo các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

3. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Cao đẳng y tế Khánh Hòa

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo số 08/KTNN-TH ngày 29/01/2021: 12.868.054.000 đồng, đến thời điểm báo cáo, các đơn vị đã thực hiện 100% nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán.

4. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Cao đẳng nghề Nha Trang

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo số 10/KTNN-TH ngày 29/01/2021: 7.780.854.000 đồng, đến thời điểm báo cáo, các đơn vị chưa thực hiện được các nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán.

5. Kiểm toán Chuyên đề Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo số 212/TB-KTNN ngày 30/6/2021: 87.870.000 đồng, đến thời điểm báo cáo, các đơn vị đã thực hiện được 44.284.000 đồng, đạt 50,4%; chưa thực hiện 43.586.000, chiếm 49,6%. Cụ thể:

- Dự án Hệ thống kênh đập Hòa Huỳnh -
Bồn Tổng - Buy Ruột Ngựa : 43.586.000 đồng.

Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Khánh Hòa đang yêu cầu nhà thầu điều chỉnh lại Bản vẽ hoàn công theo kiến nghị của Kiểm toán.

III. Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2022

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải thực hiện là: 484.549.805.835 đồng. Đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 474.059.344.547 đồng, đạt tỷ lệ 97,8%; chưa thực hiện: 10.490.461.288 đồng, chiếm tỷ lệ 2,2%. Cụ thể:

1. Chuyên đề Ngân sách địa phương năm 2021: Tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán số 459/KTNN-TH ngày 28/7/2022: 347.218.954.632 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 346.716.792.185 đồng, đạt tỷ lệ 99,9%; chưa thực hiện: 502.162.447 đồng, chiếm tỷ lệ 0,1%.Cụ thể các nội dung chưa thực hiện:

- Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp : 210.329.000 đồng.

Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa sẽ thực hiện giám chi phí thi công và chi phí giám sát trong quá trình quyết toán dự án để nộp NSNN theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Gói thầu thi công xây dựng phần đường giao thông và điện chiếu sáng giai đoạn 2 : 122.338.662 đồng.

Hiện dự án đang vướng giải phóng mặt bằng chưa quyết toán được chi phí thi công xây dựng công trình, Sở Giao thông vận tải sẽ điều chỉnh giảm dự toán và giảm giá trị hợp đồng trước khi thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

- Công trình trường Tiểu học Cam Hải Đông : 57.812.000 đồng.

- Công trình Nâng cấp đường Lê Lai : 14.670.000 đồng.

Huyện Cam Lâm đã đề nghị Công ty TNHH Nhật Tùng thực hiện kiến nghị kiểm toán, đồng thời đề nghị KBNN tỉnh và KBNN các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh hỗ trợ phối hợp công tác thu hồi và nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH Nhật Tùng vẫn chưa thực hiện. Theo báo cáo huyện Cam Lâm không có khả năng thực hiện nội dung này.

- Thu tiền và trích nộp NSNN đối với 35 công trình dự án đã hoàn thành giấy phép thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện năm 2020 và năm 2021 : 8.128.633 đồng.

Sở Công Thương đang đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh hoàn thành nội dung này.

2. Chuyên đề thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa: Tổng kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán số 459/KTNN-TH ngày 28/7/2022: 827.479.362 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 100% kiến nghị.

3. Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19: Tổng kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán số 290/KTNN-TH ngày 23/6/2022 là 136.503.371.841 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 126.515.073.000 đồng, đạt 92,68%; chưa thực hiện: 9.988.298.841 đồng, chiếm tỷ lệ 7,32%. Nội dung chưa thực hiện cụ thể:

- Chuyển số tiền ủng hộ mua vắc xin còn lại về Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam : 9.988.298.841 đồng.

Sở Tài chính đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực VIII ý kiến giải trình của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tại công văn số 1621/MTTQ-BTT ngày 08/6/2023 về kết quả huy động quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên,

Đoàn kiểm tra chưa thống nhất với nội dung giải trình của đơn vị và vẫn yêu cầu đơn vị nộp số tiền nêu trên về Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

IV. Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2023

Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước phải thực hiện là: 240.005.950.626 đồng. Đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 207.099.123.746 đồng, đạt tỷ lệ 86,3%; chưa thực hiện: 32.906.826.880 đồng, chiếm tỷ lệ 13,7%. Cụ thể:

1. Chuyên đề ngân sách địa phương năm 2022: Tổng số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán số 184/KTNN-TH ngày 24/10/2023: 239.804.195.016 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 206.897.368.136 đồng, đạt tỷ lệ 86,3%; chưa thực hiện: 32.906.826.880 đồng, chiếm tỷ lệ 13,7%. Cụ thể:

- Chi thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá vật liệu xây dựng để công bố định kỳ không có trong quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. : 180.000.000 đồng.

Sở Xây dựng đang triển khai thực hiện và sẽ hoàn thành việc nộp trả trong năm 2024.

- Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp đường tránh quốc lộ 1A: Gói thầu xây lắp : 232.121.000 đồng.

- Thu hồi kinh phí thừa của Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Diên Khánh nộp NS cấp trên : 458.250.880 đồng.

- Giám trừ gói thầu xây lắp thuộc Dự án Nâng cấp Kênh Bầu Máng : 47.099.000 đồng.

UBND huyện Diên Khánh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiến nghị của Kiểm toán trong năm 2024.

- Gói thầu số 02: Thi công xây dựng công trình đường Khánh Thành – Khánh Phú : 21.784.000 đồng.

UBND huyện Khánh Vĩnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục làm việc với Công ty và thực hiện thu hồi theo kiến nghị của Kiểm toán.

- Bố trí hoàn trả vốn dự phòng NSTW : 27.841.472.000 đồng

Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố bố trí nguồn nộp trả theo kiến nghị của Kiểm toán.

- Tăng thu phí bảo vệ môi trường : 193.600.000 đồng.

Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa đã làm việc Công ty TNHH Tập Đoàn Sơn Hải về việc thực hiện kiến nghị của KTNN nhưng Công ty vẫn bảo lưu ý kiến theo nội dung Công văn số 37/CT-TĐSH ngày 20/02/2024 (công ty không khai thác đối với phần đất dôi dư nên Công ty không khai thuế tài nguyên và Phí Bảo vệ môi trường), công văn này Công ty cũng đã gửi đến Kiểm toán nhà nước khu vực VIII. Cục Thuế sẽ tiếp tục chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa tiếp tục xác lập hồ sơ đôn đốc, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí hoàn trả nguồn cải cách tiền lương : 3.932.500.000 đồng

Số đề nghị của Kiểm toán nhà nước là 6.932.500.000 đồng; hiện UBND huyện Cam Lâm đã hoàn trả nguồn CCTL 3.000.000.000 đồng, số còn lại sẽ được bố trí nguồn hoàn trả trong năm 2024.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa: tổng số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán số 184/KTNN-TH ngày 24/10/2023: 201.755.610 đồng, đến thời điểm ngày 25/3/2024 đã thực hiện 100% kiến nghị.

(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

V. Kiến nghị của UBND tỉnh Khánh Hòa

Đối với những nội dung còn tồn đọng, vướng mắc nhiều năm đã được các địa phương, các chủ đầu tư nhiều lần đôn đốc nhưng nhà thầu, đơn vị chưa thực hiện; ngoài ra, có một số nhà thầu đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, UBND tỉnh kính báo cáo Ủy ban Tài chính, ngân sách Quốc hội; Bộ Tài chính; Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII một số nội dung tồn đọng qua nhiều năm không thể thực hiện được và đề nghị xem xét đưa ra khỏi kiến nghị của Kiểm toán; cụ thể:

1. Cuộc Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 (72.482.000 đồng): Công trình trường Tiểu học Cam Hải Đông (57.812.000 đồng); công trình Nâng cấp đường Lê Lai (14.670.000 đồng): Qua xác minh, công ty TNHH Nhật Tùng không tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, Ban QLDA các công trình xây dựng Cam Lâm không liên hệ được với công ty nên không có khả năng thực hiện thu hồi và nộp ngân sách nhà nước số tiền trên.

2. Cuộc Kiểm toán ngân sách địa phương niên độ 2017 (1.130.090.817 đồng)

- Thu hồi kinh phí hỗ trợ chi điều tra môi trường cho Hội tri thức tỉnh (100.000.000 đồng): Sở Tài chính đã nhiều lần đôn đốc nhưng Hội tri thức tỉnh không thực hiện và cũng không có phản hồi bằng văn bản.

- Gói thầu số 01 - san nền dờ dang trong diện tích 90.010,99 m² của gói thầu
- San nền (GD 1) và kè sông (833.333.000 đồng): Hiện nay Công ty CP xây dựng

Vinashin Nha Trang đã không còn tồn tại, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thu hồi Giấy phép đăng kí kinh doanh nên không thể thu hồi số tiền này.

- Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Phúc Bình Minh (196.757.817 đồng): Ngày 24/3/2020, Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo số 5665/TB-CCT về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế và đã tiến hành phân loại nợ thuộc nhóm nợ khó thu. Đến ngày 30/10/2020, Chi cục Thuế đã ban hành Quyết định số 3862/QĐ-CCT khoan số tiền nợ 196.757.817 đồng thuộc diện người nộp thuế bỏ địa chỉ kinh doanh theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội.

3. Cuộc Kiểm toán ngân sách địa phương niên độ 2013 (634.670.593 đồng):

- Ban Quản lý HOND và UBND huyện Diên Khánh thu hồi nộp các NSNN các khoản chi sai quy định (134.215.000 đồng): Hiện nay đơn vị thi công đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nên không thể thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị tăng thu Công ty TNHH Hoàng Phú DK (500.455.593 đồng): theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, Chi cục Thuế huyện Diên Khánh đã xác minh tài sản để cưỡng chế nhưng Công ty không còn tài sản. Đến nay, Công ty không còn hoạt động tại địa điểm đăng ký (Chi cục Thuế đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh). Ngày 13/11/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Hoàng Phú DK. Ngày 30/10/2020, Chi cục thuế khu vực Tây Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 3856/QĐ-CCT khoan số tiền nợ 500.455.593 đồng nói trên thuộc diện người nộp thuế bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội.

4. Cuộc Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 (763.728.000 đồng): BQL Khu Kinh tế Vân Phong đã nhiều lần có văn bản đề nghị các nhà thầu thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán tuy nhiên đơn vị không thực hiện và không văn bản phản hồi.

5. Cuộc Kiểm toán ngân sách địa phương niên độ 2011 (84.502.000 đồng): Thu hồi nộp NS các khoản chi sai quy định đối với gói thầu xây lắp Cầu Bình Tân 2 và Gói thầu xây lắp đường dẫn hai đầu cầu (84.502.000 đồng): Ban QLDA không liên hệ được với Công ty TNHH An Bình (địa chỉ đăng ký ở tỉnh Bình Định) nên không có khả năng thực hiện kiến nghị

6. Cuộc Kiểm toán Dự án đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Bưu Điện tỉnh đến Mũi Kê Gà) tỉnh Khánh Hòa (127.083.000 đồng): Hiện nay Công ty

Phước Thành đã ngừng hoạt động; Công ty Giao thông Sài Gòn đã thực hiện cổ phần hóa, Ban QLDA đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị đơn vị thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhưng đơn vị không chấp hành.

7. Kiểm toán Dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (359.239.000 đồng): Ban QLDA Phát triển tỉnh đã nhiều lần đơn đốc nhưng các nhà đầu tư là Tổng công ty CP ĐTXD và Thương mại Việt Nam - Constremxim Holdings và Công ty Kumho Industrial Co., Ltd không thực hiện và cũng không có phản hồi. Theo báo cáo, Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa không có khả năng hoàn thành nội dung kiến nghị này

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

(Đính kèm các hồ sơ, tài liệu chứng minh có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (b/c);
- Thanh tra tỉnh (để biết);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TL, HL 9

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC VI PHẠM THEO KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
(Kèm theo công văn số 3582/UBND-KT ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	3.872.716.556.961	3.637.700.529.075	93,9%	235.016.027.886	6,1%
A	Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2023	240.005.950.626	207.099.123.746	86,3%	32.906.826.880	13,7%
A.1	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022	239.804.195.016	206.897.368.136	86,3%	32.906.826.880	13,7%
I	Thu hồi và giảm chi ngân sách nhà nước	210.715.110.588	181.934.383.708	86,3%	28.780.726.880	13,7%
I.1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ	1.344.214.288	910.309.288	67,7%	433.905.000	32,3%
1	Chi thường xuyên	581.832.288	401.832.288	69,1%	180.000.000	30,9%
1.1	Sở Xây dựng	180.000.000	0	0,0%	180.000.000	100,0%
	Văn phòng Sở Xây dựng	180.000.000		0,0%	180.000.000	100,0%
1.2	Huyện Diên Khánh	401.832.288	401.832.288	100,0%	0	0,0%
	Ban quản lý dịch vụ công ích huyện Diên Khánh	290.980.254	290.980.254	100,0%		0,0%
	Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Diên Khánh	110.852.034	110.852.034	100,0%		0,0%
2	Chi đầu tư	762.382.000	508.477.000	66,7%	253.905.000	33,3%
2.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	18.000.000	18.000.000	100,0%	0	0,0%
	Dự án Kè bờ phường Vĩnh Nguyên	18.000.000	18.000.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu: Tư vấn lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	18.000.000	18.000.000	100,0%	0	0,0%
2.2	Thị xã Ninh Hòa	224.243.000	224.243.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý dự án các CTXD Ninh Hòa	198.649.000	198.649.000	100,0%	0	0,0%
	Dự án Kè bờ biển phường Ninh Hải	198.649.000	198.649.000	100,0%	0	0,0%
b	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Ninh Hòa	25.594.000	25.594.000	100,0%	0	0,0%
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng	25.594.000	25.594.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Huyện Cam Lâm	188.136.000	188.136.000	100,0%	0	0,0%
	Ban Quản lý dự án Cam Lâm	188.136.000	188.136.000	100,0%	0	0,0%
	Trường mầm non Sen Hồng, xã Suối Tân	141.999.000	141.999.000	100,0%	0	0,0%
	Trường tiểu học Cam An Bắc, xã Cam An Bắc	36.432.000	36.432.000	100,0%	0	0,0%
	Trường tiểu học Cam Tân (04 phòng học và nhà đa năng)	9.705.000	9.705.000	100,0%	0	0,0%
2.4	Huyện Diên Khánh	232.121.000	-	0,0%	232.121.000	100,0%
	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Diên Khánh	232.121.000		0,0%	232.121.000	100,0%
	Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp đường tránh quốc lộ 1A: Gói thầu xây lắp	232.121.000		0,0%	232.121.000	100,0%
2.5	Huyện Khánh Vĩnh	99.882.000	78.098.000	78,2%	21.784.000	21,8%
a	Ban QLDA công trình xây dựng huyện Khánh Vĩnh	99.882.000	78.098.000	78,2%	21.784.000	21,8%
	Đường Khánh Thành - Khánh Phú	87.382.000	65.598.000	75,1%	21.784.000	24,9%
	Gói thầu số 02: Thi công xây dựng công trình	21.784.000		0,0%	21.784.000	100,0%
	Gói thầu số 03: Tư vấn giám sát thi công	65.598.000	65.598.000	100,0%	0	0,0%
	Trường phổ thông dân tộc nội trú cấp THCS huyện Khánh Vĩnh - Hàng mục: Xây dựng khối ký túc xá, hệ thống lắng lọc nước, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc	12.500.000	12.500.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu số 02: Thi công xây dựng công trình	12.500.000	12.500.000	100,0%	0	0,0%
I.2	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách	83.055.049.514	82.596.798.634	99,4%	458.250.880	0,6%
1	Chi thường xuyên	43.510.170.307	43.051.919.427	98,9%	458.250.880	1,1%
1.1	Huyện Cam Lâm	6.374.120.551	6.374.120.551	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	5.618.017.551	5.618.017.551	100,0%	0	0,0%
	Nộp trả ngân sách Trung ương	1.247.000.000	1.247.000.000	100,0%	0	0,0%
	Nộp trả ngân sách tỉnh	4.371.017.551	4.371.017.551	100,0%	0	0,0%
	Các xã, thị trấn	756.103.000	756.103.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Thị xã Ninh Hòa	5.708.130.585	5.708.130.585	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	5.664.461.295	5.664.461.295	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	<i>Nộp trả ngân sách tỉnh</i>	4.748.116.395	4.748.116.395	100,0%	0	0,0%
	<i>Nộp trả ngân sách thị xã</i>	916.344.900	916.344.900	100,0%	0	0,0%
	Các xã, phường	43.669.290	43.669.290	100,0%	0	0,0%
1.3	Huyện Diên Khánh	458.250.880	0	0,0%	458.250.880	100,0%
	Phòng Văn hóa Thông tin	458.250.880		0,0%	458.250.880	100,0%
1.4	Thành phố Nha Trang	12.837.310.543	12.837.310.543	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính Kế hoạch	12.837.310.543	12.837.310.543	100,0%	0	0,0%
1.5	Thành phố Cam Ranh	13.615.098.748	13.615.098.748	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	13.615.098.748	13.615.098.748	100,0%	0	0,0%
1.6	Huyện Vạn Ninh	4.517.259.000	4.517.259.000	100,0%	-	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	4.517.259.000	4.517.259.000	100,0%		0,0%
2	Chi đầu tư	39.544.879.207	39.544.879.207	100,0%	0	0,0%
2.1	Sở Tài chính	36.734.566.491	36.734.566.491	100,0%	0	0,0%
	Nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022	8.425.693.907	8.425.693.907	100,0%	0	0,0%
	<i>Nguồn các dự án công trình</i>	<i>4.412.298.390</i>	<i>4.412.298.390</i>	100,0%	0	0,0%
	<i>Nguồn dự phòng NSTW</i>	<i>4.013.395.517</i>	<i>4.013.395.517</i>	100,0%	0	0,0%
	Nguồn phát sinh trong năm 2022	28.308.872.584	28.308.872.584	100,0%	0	0,0%
2.2	Thị xã Ninh Hòa	806.936.439	806.936.439	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	672.985.439	672.985.439	100,0%	0	0,0%
	Các xã, phường	133.951.000	133.951.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Huyện Cam Lâm	26.800.000	26.800.000	100,0%	0	0,0%
	Các xã, phường	26.800.000	26.800.000	100,0%	0	0,0%
2.4	Huyện Khánh Vĩnh	1.675.935.330	1.675.935.330	100,0%	0	0,0%
	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch)	460.000.000	460.000.000	100,0%	0	0,0%
	Nâng cấp sửa chữa đường K25 liên thôn Hòn Lay đi thôn Ba Dùi	654.935.330	654.935.330	100,0%	0	0,0%
	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	255.000.000	255.000.000	100,0%	0	0,0%
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	306.000.000	306.000.000	100,0%	0	0,0%
2.5	Thành phố Nha Trang	173.943.000	173.943.000	100,0%	-	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	173.943.000	173.943.000	100,0%	0	0,0%
2.6	Thành phố Cam Ranh	126.697.947	126.697.947	100,0%	-	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	126.697.947	126.697.947	100,0%	0	0,0%
1.3	Các khoản phải giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	6.143.772.091	6.096.673.091	99,2%	47.099.000	0,8%
1	Chi thường xuyên	5.591.336.091	5.591.336.091	100,0%	0	0,0%
1.1	Sở Xây dựng	320.603.701	320.603.701	100,0%	0	0,0%
	<i>Trung tâm Quản lý nhà và Chung cư</i>	<i>320.603.701</i>	<i>320.603.701</i>	100,0%	0	0,0%
1.2	Thị xã Ninh Hòa	5.270.732.390	5.270.732.390	100,0%	-	0,0%
a	Giảm tiền lương của biên chế giảm so với đầu năm	421.000.000	421.000.000	100,0%		0,0%
b	Các khoản kinh phí về các chế độ, chính sách cụ thể về an sinh xã hội lĩnh vực giáo dục và y tế	2.895.984.390	2.895.984.390	100,0%		0,0%
	<i>Kinh phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP</i>	<i>36.345.000</i>	<i>36.345.000</i>	100,0%		0,0%
	<i>Bảo hiểm Y tế đối với HSSV</i>	<i>1.546.505.738</i>	<i>1.546.505.738</i>	100,0%		0,0%
	<i>Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên</i>	<i>575.011.012</i>	<i>575.011.012</i>	100,0%		0,0%
	<i>Kinh phí hỗ trợ giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt cho HS TĐTS</i>	<i>2.300.000</i>	<i>2.300.000</i>	100,0%		0,0%
	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ</i>	<i>735.822.640</i>	<i>735.822.640</i>	100,0%		0,0%
c	Trường Mầm non Ninh Diêm	250.552.000	250.552.000	100,0%		0,0%
d	Trường Mầm non Ninh Đa	199.881.000	199.881.000	100,0%		0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
e	Trường Mầm non Ninh Giang	250.553.000	250.553.000	100,0%		0,0%
f	Trường Mầm non Ninh Hà	250.553.000	250.553.000	100,0%		0,0%
g	Trường Mầm non Ninh Hải	250.553.000	250.553.000	100,0%		0,0%
h	Trường Mầm non Ninh Thủy	250.552.000	250.552.000	100,0%		0,0%
i	Trường Mầm non Hoa Sữa	250.552.000	250.552.000	100,0%		0,0%
j	Trường Mầm non 02/9	250.552.000	250.552.000	100,0%		0,0%
2	Chi Đầu tư	552.436.000	505.337.000	91,5%	47.099.000	8,5%
2.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	240.925.000	240.925.000	100,0%	-	0,0%
	<i>Dự án Kè bờ phường Vĩnh Nguyên: Gói thầu thi công XDCT</i>	<i>240.925.000</i>	<i>240.925.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
2.2	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	229.412.000	229.412.000	100,0%	-	0,0%
	<i>Dự án Trồng cây xanh dài phân cách đường Võ Nguyên Giáp: Gói thầu thi công XDCT</i>	<i>229.412.000</i>	<i>229.412.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
2.3	Thị xã Ninh Hòa	35.000.000	35.000.000	100,0%	-	0,0%
	Ban Quản lý dự án các CTXD Ninh Hòa	35.000.000	35.000.000	100,0%	-	0,0%
	<i>Dự án Xây dựng 11 phòng học và công trình phụ trợ trường THCS Nguyễn Văn Cừ</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
2.4	Huyện Diên Khánh	47.099.000	-	0,0%	47.099.000	100,0%
	Phòng Kinh tế huyện Diên Khánh	47.099.000	-	0,0%	47.099.000	100,0%
	<i>Nâng cấp kênh tiêu Bàu Máng: Gói thầu xây lắp</i>	<i>47.099.000</i>		<i>0,0%</i>	<i>47.099.000</i>	<i>100,0%</i>
I.4	Xử lý tài chính khác	120.172.074.695	92.330.602.695	76,8%	27.841.472.000	23,2%
I	Thu hồi, nộp khác	541.112.596	541.112.596	100,0%	0	0,0%
1.1	Nộp trả ngân sách tỉnh nguồn cải cách tiền lương	541.112.596	541.112.596	100,0%	0	0,0%
a	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	212.915.140	212.915.140	100,0%	0	0,0%
	<i>Trung tâm Điều dưỡng và chăm sóc người có công tình</i>	<i>212.915.140</i>	<i>212.915.140</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b	Sở Y tế	152.830.019	152.830.019	100,0%	-	0,0%
	<i>Bệnh viện Y học Cổ truyền và Phục hồi chức năng</i>	<i>152.830.019</i>	<i>152.830.019</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
c	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	175.367.437	175.367.437	100,0%	0	0,0%
2	Các khoản phải nộp NSNN nhưng chưa nộp	91.789.490.099	91.789.490.099	100,0%	0	0,0%
	Sở Văn hóa và Thể thao	91.789.490.099	91.789.490.099	100,0%	0	0,0%
	<i>Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh Khánh Hòa</i>	<i>82.244.793.599</i>	<i>82.244.793.599</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh</i>	<i>9.544.696.500</i>	<i>9.544.696.500</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3	Bổ trí nguồn hoàn trả ngân sách trung ương	27.841.472.000	0	0,0%	27.841.472.000	100,0%
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	27.841.472.000	0	0,0%	27.841.472.000	100,0%
	<i>Bổ trí hoàn trả vốn dự phòng NSTW</i>	<i>27.841.472.000</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>	<i>27.841.472.000</i>	<i>100,0%</i>
II	Tăng thu	6.026.038.428	5.832.438.428	96,8%	193.600.000	3,2%
1	Tại cơ quan Thuế	285.717.243	92.117.243	32,2%	193.600.000	67,8%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.567.291	89.567.291	100,0%	0	0,0%
	Phí bảo vệ môi trường	196.149.952	2.549.952	1,3%	193.600.000	98,7%
2	Tại cơ quan Hải quan	4.551.832.466	4.551.832.466	100,0%	-	0,0%
	Thuế giá trị gia tăng	4.551.832.466	4.551.832.466	100,0%		0,0%
3	Trường Đại học Khánh Hòa	385.917.752	385.917.752	100,0%	-	0,0%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	385.917.752	385.917.752	100,0%		0,0%
4	Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	802.570.967	802.570.967	100,0%	-	0,0%
	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	802.570.967	802.570.967	100,0%		0,0%
III	Kiến nghị khác	23.063.046.000	19.130.546.000	82,9%	3.932.500.000	17,1%
III.1	Tăng nguồn cải cách tiền lương	581.116.000	581.116.000	100,0%	-	0,0%
	Huyện Khánh Vĩnh	581.116.000	581.116.000	100,0%		0,0%
III.2	Bổ trí nguồn hoàn trả	19.492.500.000	15.560.000.000	79,8%	3.932.500.000	20,2%
1	Hoàn trả ngân sách địa phương	19.492.500.000	15.560.000.000	79,8%	3.932.500.000	20,2%
1.1	Thị xã Ninh Hòa	9.210.000.000	9.210.000.000	100,0%	-	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9.210.000.000	9.210.000.000	100,0%	-	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	<i>Bổ trí hoàn trả nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản</i>	9.210.000.000	9.210.000.000	100,0%		0,0%
1.2	Huyện Cam Lâm	6.932.500.000	3.000.000.000	43,3%	3.932.500.000	56,7%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	6.932.500.000	3.000.000.000	43,3%	3.932.500.000	56,7%
	<i>Bổ trí hoàn trả nguồn cải cách tiền lương</i>	6.932.500.000	3.000.000.000	43,3%	3.932.500.000	56,7%
1.3	Huyện Diên Khánh	3.350.000.000	3.350.000.000	100,0%	-	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.350.000.000	3.350.000.000	100,0%	0	0,0%
	<i>Bổ trí hoàn trả nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	3.350.000.000	3.350.000.000	100,0%	0	0,0%
III.3	Nộp vào Tài khoản tạm thu, tạm giữ	2.989.430.000	2.989.430.000	100,0%	0	0,0%
	Huyện Diên Khánh	2.989.430.000	2.989.430.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.989.430.000	2.989.430.000	100,0%	0	0,0%
	<i>Đề nghị Công ty TNHH Minh Phát nộp vào tài khoản tạm thu, tạm giữ do Phòng Tài chính - Kế hoạch quản lý</i>	2.989.430.000	2.989.430.000	100,0%	0	0,0%
A.II	VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2020-2022 TẠI TỈNH KHÁNH HÒA	201.755.610	201.755.610	100,0%	0	0,0%
1	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách tỉnh (chi thường xuyên)	140.000.000	140.000.000	100,0%	0	0,0%
	Thành phố Nha Trang	140.000.000	140.000.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	140.000.000	140.000.000	100,0%	0	0,0%
2	Các khoản phải giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau (chi thường xuyên)	61.755.610	61.755.610	100,0%	0	0,0%
	Sở Khoa học và Công nghệ	61.755.610	61.755.610	100,0%	0	0,0%
	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	61.755.610	61.755.610	100,0%	0	0,0%
B	Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2022	484.549.805.835	474.059.344.547	97,8%	10.490.461.288	2,2%
I	Kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2021	347.218.954.632	346.716.792.185	99,9%	502.162.447	0,1%
I.1	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định	3.172.970.094	3.172.970.094	100,0%	-	0,0%
1	Kinh phí chi thường xuyên	72.773.094	72.773.094	100,0%	0	0,0%
1.1	Thành phố Nha Trang	25.000.000	25.000.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính Kế hoạch	25.000.000	25.000.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Huyện Khánh Sơn	47.773.094	47.773.094	100,0%	0	0,0%
	Ban Quản lý Dịch vụ công ích	47.773.094	47.773.094	100,0%	0	0,0%
2	Kinh phí Đầu tư XDCB	3.100.197.000	3.100.197.000	100,0%	0	0,0%
2.1	Sở Nông Nghiệp Và Phát triển Nông Thôn	769.969.000	769.969.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án Kè Đại Lãnh (giai đoạn 2)	196.801.000	196.801.000	100,0%	0	0,0%
-	Thi công xây dựng các hạng mục còn lại	196.801.000	196.801.000	100,0%	0	0,0%
b	Kè bảo vệ sông Trường (đoạn từ cửa biển đến Quốc lộ 1A) - giai đoạn 2	173.780.000	173.780.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu Xây lắp các hạng mục còn lại và bổ sung	145.136.000	145.136.000	100,0%	0	0,0%
-	Chi phí QLDA	28.644.000	28.644.000	100,0%	0	0,0%
c	Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm sinh, phát triển và bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Khánh Sơn và huyện Vạn Ninh	399.388.000	399.388.000	100,0%	0	0,0%
-	Xây lắp (giai đoạn 1)	373.280.000	373.280.000	100,0%	0	0,0%
-	Xây lắp (giai đoạn 2)	26.108.000	26.108.000	100,0%	0	0,0%
2.2	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	185.964.000	185.964.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án cải tạo nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Diên Khánh thành Bệnh viện Nhiệt đới Khánh Hòa (giai đoạn 2)	185.964.000	185.964.000	100,0%	-	0,0%
-	Gói thầu: Xây lắp chính	185.964.000	185.964.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	306.699.000	306.699.000	100,0%	0	0,0%
-	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam Hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyển T1	306.699.000	306.699.000	100,0%	0	0,0%
+	Thi công XDCT HT thoát nước mưa KV NHK (GD 2) - Tuyển T1	300.936.000	300.936.000	100,0%	0	0,0%
+	Giám sát thi công công trình HT thoát nước mưa KV NHK (GD 2) - Tuyển T1	5.763.000	5.763.000	100,0%	0	0,0%
2.4	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa	74.848.000	74.848.000	100,0%	0	0,0%
a	Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 39 (giai đoạn 2)	74.848.000	74.848.000	100,0%	-	0,0%
-	Gói thầu Thi công xây dựng công trình phân cầu, đường và hệ thống thoát nước.	74.848.000	74.848.000	100,0%	0	0,0%
2.5	Thành phố Nha Trang	84.283.000	84.283.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
a	Tại Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang	37.820.000	37.820.000	100,0%	0	0,0%
-	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Trãi	37.820.000	37.820.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu xây dựng	37.820.000	37.820.000	100,0%	0	0,0%
b	Tại chủ đầu tư :Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nha Trang	46.463.000	46.463.000	100,0%	0	0,0%
	Trường MN Vĩnh Nguyên 1 (điểm Thánh Gia) - Hàng mục: Xây dựng mới khối lớp học, phòng hành chính, phòng phục vụ học tập, nhà xe, sân nền, công tường rào, cây xanh, cải tạo khối lớp học 02 tầng	46.463.000	46.463.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây dựng	46.463.000	46.463.000	100,0%	0	0,0%
2.6	Thành phố Cam Ranh	799.132.000	799.132.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Cam Ranh	799.132.000	799.132.000	100,0%	0	0,0%
-	Công trình trường Tiểu học Cam Lộc 1, hạng mục: Xây mới 10 phòng học, nhà hành chính và khối 04 phòng học chức năng	52.454.000	52.454.000	100,0%	0	0,0%
+	Chi phí xây lắp	52.454.000	52.454.000	100,0%	0	0,0%
-	Trường THCS Lê Hồng Phong	203.552.000	203.552.000	100,0%	0	0,0%
+	CP xây lắp	203.552.000	203.552.000	100,0%	0	0,0%
-	Trường mầm non 2 tháng 4, hạng mục: khối lớp học 04 phòng, nhà hành chính, bếp ăn một chiều, phòng học chức năng và hệ thống điện nước ngoài nhà	20.748.000	20.748.000	100,0%	0	0,0%
+	CP xây lắp	20.748.000	20.748.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án trường Tiểu học Cam Thịnh Tây 1	87.983.000	87.983.000	100,0%	0	0,0%
+	CP xây lắp	87.983.000	87.983.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án kê chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, phường Ba Ngòi	380.010.000	380.010.000	100,0%	0	0,0%
+	CP xây lắp (Tuyển kế 02)	380.010.000	380.010.000	100,0%	0	0,0%
-	Công trình đường Hoàng Văn Thụ (đoạn từ đường Nguyễn Việt Xuân đến đường Tô Hữu)	54.385.000	54.385.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu số 01 Thi công xây dựng công trình	54.385.000	54.385.000	100,0%	0	0,0%
2.7	Thị xã Ninh Hòa	155.160.000	155.160.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban QLDA các công trình xây dựng thị xã Ninh Hòa	155.160.000	155.160.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án Đề kê chống xói lở hai bờ sông Dinh, thị xã Ninh Hòa	155.160.000	155.160.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu số 23: Phần còn lại của bờ hữu và bờ tả	155.160.000	155.160.000	100,0%	0	0,0%
2.8	Huyện Vạn Ninh	208.407.000	208.407.000	100,0%	0	0,0%
a	Phòng kinh tế huyện Vạn Ninh	208.407.000	208.407.000	100,0%	0	0,0%
-	Sửa chữa kê bờ biển xóm Đầm Trên, thôn Đầm Môn, xã Vạn Thạnh	138.079.000	138.079.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu: Thi công xây dựng	138.079.000	138.079.000	100,0%	0	0,0%
-	Kê chống sạt lở đường từ Bệnh viện đến cầu Hiền Lương 2	70.328.000	70.328.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu: Thi công xây dựng	70.328.000	70.328.000	100,0%	0	0,0%
2.9	Huyện Khánh Sơn	515.735.000	515.735.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng huyện Khánh Sơn	515.735.000	515.735.000	100,0%	0	0,0%
-	Kê bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua TT Tô Hạp và xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn	298.349.000	298.349.000	100,0%	0	0,0%
+	Giai đoạn 1	232.118.000	232.118.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu xây lắp	232.118.000	232.118.000	100,0%	0	0,0%
+	Giai đoạn 2	66.231.000	66.231.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu xây lắp	66.231.000	66.231.000	100,0%	0	0,0%
-	Khu tái định cư thôn Dốc Trầu, xã Ba Cạm Bắc	217.386.000	217.386.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu xây lắp số 01	217.386.000	217.386.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Thu hồi kinh phí thừa	173.623.608.551	173.623.608.551	100,0%	0	0,0%
1	Kinh phí chi thường xuyên	106.032.403.576	106.032.403.576	100,0%	0	0,0%
1.1	Sở Tài chính	27.308.027.726	27.308.027.726	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính: kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và bổ sung có mục tiêu nộp trả NSTW	3.316.428.399	3.316.428.399	100,0%	0	0,0%
b	Huyện Khánh Vĩnh: kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và bổ sung có mục tiêu nộp trả ngân sách tỉnh	17.736.128.112	17.736.128.112	100,0%	0	0,0%
c	Huyện Diên Khánh: kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và bổ sung có mục tiêu nộp trả ngân sách tỉnh	6.255.471.215	6.255.471.215	100,0%	0	0,0%
1.2	Thành phố Nha Trang	24.192.164.517	24.192.164.517	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	16.941.457.870	16.941.457.870	100,0%	-	0,0%
b	Các xã, phường	7.250.706.647	7.250.706.647	100,0%	0	0,0%
-	Ngọc Hiệp	103.930.000	103.930.000	100,0%	-	0,0%
-	Phước Hải	113.507.000	113.507.000	100,0%	-	0,0%
-	Phước Hòa	6.500.000	6.500.000	100,0%	-	0,0%
-	Phước Long	200.098.000	200.098.000	100,0%	-	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
-	Phước Tân	122.071.000	122.071.000	100,0%	-	0,0%
-	Phước Tiên	486.276.052	486.276.052	100,0%	-	0,0%
-	Phương Sài	110.064.325	110.064.325	100,0%	-	0,0%
-	Phương Sơn	50.991.000	50.991.000	100,0%	-	0,0%
-	Tân Lập	9.104.000	9.104.000	100,0%	-	0,0%
-	Vạn Thắng	291.632.000	291.632.000	100,0%	-	0,0%
-	Vạn Thanh	90.270.000	90.270.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Hải	111.212.500	111.212.500	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Hòa	249.196.000	249.196.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Nguyên	904.000.000	904.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Phước	236.548.789	236.548.789	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Thọ	163.463.931	163.463.931	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Trường	555.000.000	555.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Xương Huân	68.493.800	68.493.800	100,0%	-	0,0%
-	Phước Đông	482.457.000	482.457.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Hiệp	87.265.000	87.265.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Lương	1.495.219.000	1.495.219.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Ngọc	17.000.000	17.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Phương	354.217.000	354.217.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Thái	27.000.000	27.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Thanh	663.421.250	663.421.250	100,0%	-	0,0%
-	Vĩnh Trung	251.769.000	251.769.000	100,0%	-	0,0%
1.3	Thành phố Cam Ranh	3.264.850.745	3.264.850.745	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	2.721.133.745	2.721.133.745	100,0%	0	0,0%
b	UBND các xã, phường	543.717.000	543.717.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Cam Thành Nam	290.000.000	290.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Cam Phước Đông	1.378.000	1.378.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Cam Thịnh Đông	181.532.000	181.532.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Cam Lập	12.480.000	12.480.000	100,0%	-	0,0%
-	Phường Cam Nghĩa	45.847.000	45.847.000	100,0%	-	0,0%
-	Phường Cam Phúc Bắc	12.480.000	12.480.000	100,0%	-	0,0%
1.4	Thị xã Ninh Hòa	23.388.432.610	23.388.432.610	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	22.602.549.179	22.602.549.179	100,0%	0	0,0%
b	UBND các xã	785.883.431	785.883.431	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Đa	18.450.200	18.450.200	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Hà	2.430.000	2.430.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Hải	104.062.000	104.062.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Thủy	43.945.000	43.945.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Bình	24.709.000	24.709.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Đông	6.570.000	6.570.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Sim	24.200.000	24.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Tây	33.000.000	33.000.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Thân	15.814.731	15.814.731	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Phụng	262.370.000	262.370.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Giang	61.029.000	61.029.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Xuân	78.393.500	78.393.500	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Phú	240.000	240.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Phước	4.000	4.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh An	6.300.000	6.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Ích	11.600.000	11.600.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Quang	92.766.000	92.766.000	100,0%	0	0,0%
1.5	Huyện Vạn Ninh	6.688.487.889	6.688.487.889	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	6.688.487.889	6.688.487.889	100,0%	-	0,0%
1.6	Huyện Cam Lâm	12.700.737.650	12.700.737.650	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	12.112.429.650	12.112.429.650	100,0%	-	0,0%
b	UBND các xã	588.308.000	588.308.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Cam Thành Bắc	300.000.000	300.000.000	100,0%	-	0,0%
-	Xã Sơn Tân	288.308.000	288.308.000	100,0%	-	0,0%
1.7	Huyện Khánh Sơn	8.489.702.439	8.489.702.439	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính kế hoạch	6.637.610.777	6.637.610.777	100,0%	-	0,0%
b	UBND các xã	1.852.091.662	1.852.091.662	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã thành Sơn	170.484.000	170.484.000	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Sơn Lâm	14.389.000	14.389.000	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Sơn Bình	339.225.100	339.225.100	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Suối Hiệp	550.734.000	550.734.000	100,0%	-	0,0%
-	UBND Thị trấn Tô Hạp	168.450.250	168.450.250	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Sơn Trung	204.866.000	204.866.000	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Ba Cạm Bắc	232.780.212	232.780.212	100,0%	-	0,0%
-	UBND xã Ba Cạm Nam	171.163.100	171.163.100	100,0%	-	0,0%
2	Kinh phí Đầu tư XDCB	67.591.204.975	67.591.204.975	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
2.1	Sở Tài chính	55.746.027.186	55.746.027.186	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính: Kinh phí XDCB hết nhiệm vụ chi nộp trả NSTW	54.660.540.786	54.660.540.786	100,0%	0	0,0%
b	Huyện Khánh Vĩnh: Kinh phí XDCB hết nhiệm vụ chi nộp trả NS tỉnh	168.958.700	168.958.700	100,0%	0	0,0%
c	Huyện Diên Khánh: Kinh phí XDCB hết nhiệm vụ chi nộp trả NS tỉnh	916.527.700	916.527.700	100,0%	0	0,0%
2.2	Thành phố Nha Trang	126.000.000	126.000.000	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	126.000.000	126.000.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Thành phố Cam Ranh	1.915.414.370	1.915.414.370	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	207.296.370	207.296.370	100,0%	0	0,0%
b	UBND các xã, phường	1.708.118.000	1.708.118.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Phú	58.485.000	58.485.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Thuận	301.077.000	301.077.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Lộc	4.074.000	4.074.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Linh	10.482.000	10.482.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Cam Lợi	64.313.000	64.313.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Thành Nam	105.665.000	105.665.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Phước Đông	521.252.000	521.252.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Thịnh Đông	241.122.000	241.122.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Thịnh Tây	63.785.000	63.785.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Cam Lập	69.984.000	69.984.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Cam Nghĩa	154.153.000	154.153.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Cam Phúc Bắc	18.126.000	18.126.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Cam Phúc Nam	95.600.000	95.600.000	100,0%	0	0,0%
2.4	Thị xã Ninh Hòa	4.867.896.600	4.867.896.600	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	4.488.723.600	4.488.723.600	100,0%	0	0,0%
b	UBND các xã	379.173.000	379.173.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Thủy	5.931.000	5.931.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Phụng	261.993.000	261.993.000	100,0%	0	0,0%
-	Ninh Giang	111.249.000	111.249.000	100,0%	0	0,0%
2.5	Huyện Vạn Ninh	1.558.508.819	1.558.508.819	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	1.558.508.819	1.558.508.819	100,0%	0	0,0%
2.6	Huyện Cam Lâm	2.638.000.000	2.638.000.000	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch	2.638.000.000	2.638.000.000	100,0%	0	0,0%
2.7	Huyện Khánh Sơn	739.358.000	739.358.000	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính kế hoạch	216.424.000	216.424.000	100,0%	0	0,0%
b	UBND các xã	522.934.000	522.934.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã thành Sơn	9.294.000	9.294.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã Sơn lâm	16.976.000	16.976.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã Sơn Bình	34.781.000	34.781.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã Suối Hiệp	439.821.000	439.821.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND Thị trấn Tô Hạp	8.115.000	8.115.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã Sơn Trung	5.503.000	5.503.000	100,0%	0	0,0%
-	UBND xã Ba Cùm Nam	8.444.000	8.444.000	100,0%	0	0,0%
I.3	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	3.384.650.226	3.384.650.226	100,0%	0	0,0%
1	Kinh phí chi thường xuyên	1.873.175.226	1.873.175.226	100,0%	0	0,0%
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.039.231.568	1.039.231.568	100,0%	0	0,0%
1.2	Sở Giao Thông Vận Tải	759.006.014	759.006.014	100,0%	0	0,0%
1.3	Huyện Cam Lâm	74.937.644	74.937.644	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài nguyên và Môi trường	74.937.644	74.937.644	100,0%	0	0,0%
2	Kinh phí Đầu tư XDCB	1.511.475.000	1.511.475.000	100,0%	0	0,0%
2.1	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	54.421.000	54.421.000	100,0%	0	0,0%
a	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Khánh Hòa	54.421.000	54.421.000	100,0%	-	0,0%
-	Gói thầu: Khu đặt máy xạ trị (khối nhà E); các hệ thống kỹ thuật	11.018.000	11.018.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Khối công trình B (Khoa ngoại), Khối công trình C	30.355.000	30.355.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Khối công trình A; D; F; G, Các hạng mục phụ trợ	13.048.000	13.048.000	100,0%	0	0,0%
2.2	Ban QLDA Giao thông nông thôn (Sở Giao thông Vận tải)	718.502.000	718.502.000	100,0%	0	0,0%
a	Đường tỉnh lộ 2 (ĐT.653), đoạn từ cầu Hà Dừa đến cầu Đói; huyện Diên Khánh	718.502.000	718.502.000	100,0%	0	0,0%
-	Chi phí QLDA	718.502.000	718.502.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa	10.677.000	10.677.000	100,0%	-	0,0%
a	Đường tỉnh Lộ 3	10.677.000	10.677.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Thi công xây dựng công trình phần đường giao thông	10.677.000	10.677.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
2.4	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	8.055.000	8.055.000	100,0%	-	0,0%
a	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	8.055.000	8.055.000	100,0%	-	0,0%
-	Gói thầu: Chi phí xây dựng	8.055.000	8.055.000	100,0%	0	0,0%
2.5	Thành phố Cam Ranh	102.401.000	102.401.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Cam Ranh	102.401.000	102.401.000	100,0%	0	0,0%
-	Nâng cấp Bãi tắm số 4 (giai đoạn 2), phường Cam Phú	61.413.000	61.413.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu số 01 Thi công xây dựng công trình	61.413.000	61.413.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, phường Ba Ngòi	40.988.000	40.988.000	100,0%	0	0,0%
+	CP xây lắp (Tuyển kè 01)	40.988.000	40.988.000	100,0%	0	0,0%
2.6	Huyện Vạn Ninh	588.576.000	588.576.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Vạn Ninh	588.576.000	588.576.000	100,0%		0,0%
-	Kè, đường từ Đường Sắt đến Cầu Huyện	111.342.000	111.342.000	100,0%		0,0%
+	Gói thầu: Thi công xây dựng	111.342.000	111.342.000	100,0%		0,0%
-	Bến cá Quảng Hội	134.213.000	134.213.000	100,0%		0,0%
+	Gói thầu: Thi công xây dựng	134.213.000	134.213.000	100,0%		0,0%
-	Kè biển chống xói lở đoạn từ phía Nam cầu Trần Hưng Đạo đến Trung tâm y tế huyện Vạn Ninh	343.021.000	343.021.000	100,0%		0,0%
+	Gói thầu: Thi công xây dựng	343.021.000	343.021.000	100,0%		0,0%
2.7	Huyện Khánh Sơn	28.843.000	28.843.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng huyện Khánh Sơn	28.843.000	28.843.000	100,0%	0	0,0%
-	Kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn qua TT Tô Hạp và xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn	28.843.000	28.843.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu xây lắp giai đoạn 3	28.843.000	28.843.000	100,0%		0,0%
1.4	Giảm giá hợp đồng còn lại	13.651.002.000	13.440.673.000	98,5%	210.329.000	1,5%
1	Sở Nông Nghiệp Và Phát triển Nông Thôn	1.357.017.000	1.357.017.000	100,0%	0	0,0%
1.1	Dự án Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa (giai đoạn 1)	1.357.017.000	1.357.017.000	100,0%	0	0,0%
a	Gói thầu Thi công xây dựng hạng mục (san lấp, nạo vét, kè bờ, nhà bảo vệ, công tường rào và cấp thoát nước)	478.731.000	478.731.000	100,0%	0	0,0%
b	Gói thầu Thi công xây dựng hạng mục (bến liên bờ, cấp điện chiếu sáng)	766.845.000	766.845.000	100,0%	0	0,0%
c	Chi phí QLDA	111.441.000	111.441.000	100,0%	0	0,0%
2	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	676.764.000	676.764.000	100,0%	0	0,0%
2.1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Khánh Hòa	676.764.000	676.764.000	100,0%	-	0,0%
a	Gói thầu: Khu đặt máy xạ trị (khối nhà E), các hệ thống kỹ thuật	182.466.000	182.466.000	100,0%	0	0,0%
b	Gói thầu: Khối công trình B (Khoa ngoại), Khối công trình C ...	139.789.000	139.789.000	100,0%	0	0,0%
c	Gói thầu: Khối công trình A; D; F; G, Các hạng mục phụ trợ	354.509.000	354.509.000	100,0%	0	0,0%
3	Ban QLDA Giao thông nông thôn (Sở Giao thông Vận tải)	413.579.000	413.579.000	100,0%	0	0,0%
3.1	Đường tỉnh lộ 2 (ĐT.653), đoạn từ cầu Hà Dừa đến cầu Đồi; huyện Diên Khánh	413.579.000	413.579.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu thi công xây dựng phần đường giao thông và điện chiếu sáng GD1	263.688.000	263.688.000	100,0%		0,0%
-	Gói thầu thi công xây dựng phần đường giao thông và điện chiếu sáng GD2	149.891.000	149.891.000	100,0%		0,0%
4	Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	1.855.134.000	1.644.805.000	88,7%	210.329.000	11,3%
4.1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	1.753.078.000	1.542.749.000	88,0%	210.329.000	12,0%
a	Gói thầu thi công xây dựng	1.542.749.000	1.542.749.000	100,0%	0	0,0%
b	Mức trích chi phí quản lý dự án	210.329.000		0,0%	210.329.000	100,0%
4.2	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam Hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyến T1	102.056.000	102.056.000	100,0%	0	0,0%
a	Chi phí QLDA	102.056.000	102.056.000	100,0%	0	0,0%
5	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa	387.416.000	387.416.000	100,0%	-	0,0%
5.1	Đường tỉnh Lộ 3	387.416.000	387.416.000	100,0%	-	0,0%
a	Gói thầu: Thi công xây dựng công trình phần đường giao thông	387.416.000	387.416.000	100,0%	0	0,0%
6	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	1.405.274.000	1.405.274.000	100,0%	-	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
6.1	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	1.015.955.000	1.015.955.000	100,0%	-	0,0%
a	Gói thầu: Chi phí xây dựng	1.015.955.000	1.015.955.000	100,0%	0	0,0%
6.2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	389.319.000	389.319.000	100,0%	-	0,0%
a	Gói thầu: Thi công xây dựng công trình	389.319.000	389.319.000	100,0%	0	0,0%
7	Thành phố Nha Trang	93.924.000	93.924.000	100,0%	0	0,0%
7.1	Tại Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang	93.924.000	93.924.000	100,0%	0	0,0%
a	Cầu Ngọc Tháo	93.924.000	93.924.000	100,0%	0	0,0%
-	CP xây dựng	93.924.000	93.924.000	100,0%	0	0,0%
8	Thành phố Cam Ranh	55.352.000	55.352.000	100,0%	0	0,0%
8.1	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Cam Ranh	55.352.000	55.352.000	100,0%	0	0,0%
a	Nâng cấp Bãi tắm số 4 (giai đoạn 2), phường Cam Phú	55.352.000	55.352.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 01 Thi công xây dựng công trình	55.352.000	55.352.000	100,0%	0	0,0%
9	Thị xã Ninh Hòa	7.168.899.000	7.168.899.000	100,0%	0	0,0%
9.1	Ban QLDA các công trình xây dựng thị xã Ninh Hòa	684.653.000	684.653.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án Đường Bắc Nam (giai đoạn 2)	564.568.000	564.568.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 12: Xây lắp phần đường giao thông và hệ thống thoát nước	564.568.000	564.568.000	100,0%	0	0,0%
b	Dự án Đề kè chống xói lở hai bờ sông Dinh, thị xã Ninh Hòa	90.290.000	90.290.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án Trường THCS Trần Quốc Tuấn	90.290.000	90.290.000	100,0%	0	0,0%
+	Gói thầu Thi công xây dựng công trình	90.290.000	90.290.000	100,0%	0	0,0%
c	Sửa chữa các tuyến đường KDC phía Bắc phường Ninh Hiệp	29.795.000	29.795.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu Thi công xây dựng công trình	29.795.000	29.795.000	100,0%	0	0,0%
9.2	UBND thị xã Ninh Hòa	6.484.246.000	6.484.246.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án Kè đập ngăn mặn sông Đá Hân phường Ninh Đa và xã Ninh Phú	6.484.246.000	6.484.246.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 09: Xây lắp	6.484.246.000	6.484.246.000	100,0%	0	0,0%
10	Huyện Vạn Ninh	93.581.000	93.581.000	100,0%	0	0,0%
10.1	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Vạn Ninh	93.581.000	93.581.000	100,0%	0	0,0%
a	Kè, đường từ Đường Sắt đến Cầu Huyện	27.828.000	27.828.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Thi công xây dựng	27.828.000	27.828.000	100,0%	0	0,0%
b	Bến cá Quảng Hội	24.599.000	24.599.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Thi công xây dựng	24.599.000	24.599.000	100,0%	0	0,0%
c	Kè biển chống xói lở đoạn từ phía Nam cầu Trần Hưng Đạo đến Trung tâm y tế huyện Vạn Ninh	41.154.000	41.154.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu: Thi công xây dựng	41.154.000	41.154.000	100,0%	0	0,0%
11	Huyện Khánh Sơn	144.062.000	144.062.000	100,0%	0	0,0%
11.1	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng huyện Khánh Sơn	144.062.000	144.062.000	100,0%	0	0,0%
a	Hồ chứa nước đầu làng Ka Tô	67.153.000	67.153.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu xây lắp	67.153.000	67.153.000	100,0%	0	0,0%
b	Đường D9	76.909.000	76.909.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu xây lắp số 01	76.909.000	76.909.000	100,0%	0	0,0%
1.5	Thu hồi, nộp khác	18.065.140.288	17.992.658.288	99,6%	72.482.000	0,4%
1	Sở Tài chính	16.953.102.261	16.953.102.261	100,0%	0	0,0%
-	Các khoản tạm thu đã đủ điều kiện nộp NS	10.655.835.437	10.655.835.437	100,0%	0	0,0%
-	Các khoản tạm giữ đã đủ điều kiện nộp NS	6.297.266.824	6.297.266.824	100,0%	0	0,0%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	813.988.027	813.988.027	100,0%	0	0,0%
3	Thị xã Ninh Hòa	134.554.000	134.554.000	100,0%	0	0,0%
3.1	UBND các xã	28.275.000	28.275.000	100,0%	0	0,0%
a	Ninh Phụng	20.000.000	20.000.000	100,0%	0	0,0%
b	Ninh Giang	8.275.000	8.275.000	100,0%	0	0,0%
3.2	Ban QLDA các công trình xây dựng thị xã Ninh Hòa	87.276.000	87.276.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án Khu tái định cư Ninh Thọ	66.053.000	66.053.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình	66.053.000	66.053.000	100,0%	0	0,0%
b	Dự án Đường Bắc Nam (giai đoạn 2)	21.223.000	21.223.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 11: Xây lắp hệ thống điện chiếu sáng	10.322.000	10.322.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 17: Xây lắp Khu tái định cư	10.901.000	10.901.000	100,0%	0	0,0%
3.3	Phòng GD-ĐT thị xã Ninh Hòa	19.003.000	19.003.000	100,0%	0	0,0%
-	Dự án Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phước	19.003.000	19.003.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 06: thi công xây dựng công trình	19.003.000	19.003.000	100,0%	0	0,0%
4	Huyện Cam Lâm	163.496.000	91.014.000	55,7%	72.482.000	44,3%
4.1	Ban Quản lý Dự án Cam Lâm	163.496.000	91.014.000	55,7%	72.482.000	44,3%
a	Công trình Trường THCS Cam Hải Đông	57.812.000	0	0,0%	57.812.000	100,0%
-	Gói thầu 02 - thi công xây lắp	57.812.000	0	0,0%	57.812.000	100,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
b	Công trình Đường Lưu Hữu Phước	26.066.000	26.066.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu 02 - Thi công xây lắp	26.066.000	26.066.000	100,0%	0	0,0%
c	Công trình Hội trường và Kho lưu Trữ UBND huyện	64.948.000	64.948.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 02 - Thi công xây lắp	64.948.000	64.948.000	100,0%	0	0,0%
d	Công trình Nâng cấp đường Lê Lai	14.670.000		0,0%	14.670.000	100,0%
-	Gói thầu 02 - Chi phí xây lắp	14.670.000		0,0%	14.670.000	100,0%
L.6	Kiến nghị khác	93.705.703.979	93.697.575.346	100,0%	8.128.633	0,0%
1	Sở Tài chính	44.743.000.000	44.743.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi tăng thêm nguồn CCTL	2.034.500.000	2.034.500.000	100,0%	-	0,0%
	Trích lập Quỹ Dự trữ Tài chính	42.708.500.000	42.708.500.000	100,0%	-	0,0%
2	Sở Công Thương	343.702.783	335.574.150	97,6%	8.128.633	2,4%
	Giảm Nguồn CCTL	-3.284.389	-3.284.389	100,0%		0,0%
	Thu tiền và trích nộp NSNN đối với đối với 35 công trình/dự án đã hoàn thành giấy phép thẩm định thiết kế cơ sở công trình điện năm 2020 và năm 2021	346.987.172	338.858.539	97,7%	8.128.633	2,3%
3	Sở Khoa học và Công nghệ	4.360.000	4.360.000	100,0%	-	0,0%
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95.782.900	95.782.900	100,0%	-	0,0%
5	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	1.804.840.400	1.804.840.400	100,0%	0	0,0%
	Trường TCN DTNT Khánh Vĩnh	120.224.800	120.224.800	100,0%		0,0%
	Trường TCN DTNT Khánh Sơn	112.176.400	112.176.400	100,0%		0,0%
	Trường TCN Cam Lâm	212.192.000	212.192.000	100,0%		0,0%
	Trường TCN Cam Ranh	261.181.600	261.181.600	100,0%		0,0%
	Trường TCN Vạn Ninh	229.435.200	229.435.200	100,0%		0,0%
	Trường TCN Diên Khánh	156.316.800	156.316.800	100,0%		0,0%
	Trường TCN Ninh Hòa	411.641.600	411.641.600	100,0%		0,0%
	Trường TC Kinh tế	301.672.000	301.672.000	100,0%		0,0%
6	Sở Công Thương	61.140.096	61.140.096	100,0%		0,0%
7	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	1.325.154.000	1.325.154.000	100,0%	0	0,0%
	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	1.325.154.000	1.325.154.000	100,0%	-	0,0%
	Gói thầu số 1: Khỏi khám bệnh đa khoa và điều trị ngoại trú ...	1.254.056.000	1.254.056.000	100,0%	-	0,0%
	Gói thầu: Công tường rào; Nhà trực bảo vệ (02 nhà);...	71.098.000	71.098.000	100,0%	-	0,0%
8	Thành phố Nha Trang	29.545.208.338	29.545.208.338	100,0%	0	0,0%
8.1	Phòng Tài chính Kế hoạch	27.356.000.000	27.356.000.000	100,0%	-	0,0%
8.2	Tại Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang	2.189.208.338	2.189.208.338	100,0%	0	0,0%
a	Gia cố, sửa chữa bờ kè đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư Hòn Rớ 1 - Chủ đầu tư và các bên liên quan lập đơn giá điều chỉnh và thanh toán theo quy định.	623.949.000	623.949.000	100,0%	-	0,0%
b	Giảm chi phí xây dựng	193.173.000	193.173.000	100,0%	-	0,0%
c	Dự án xây dựng mới Trường THCS Trưng Vương	1.372.086.338	1.372.086.338	100,0%	-	0,0%
9	Thị xã Ninh Hòa	3.807.132.000	3.807.132.000	100,0%	0	0,0%
9.1	UBND thị xã Ninh Hòa	3.807.132.000	3.807.132.000	100,0%	0	0,0%
a	Dự án Kè đập ngăn mặn sông Đá Hàn phường Ninh Đa và xã Ninh Phú	3.807.132.000	3.807.132.000	100,0%	0	0,0%
-	Gói thầu số 09: Xây lắp	3.807.132.000	3.807.132.000	100,0%	0	0,0%
10	Huyện Vạn Ninh	3.037.326.000	3.037.326.000	100,0%	0	0,0%
10.1	Phòng Tài chính Kế hoạch	2.823.000.000	2.823.000.000	100,0%	0	0,0%
10.2	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Vạn Ninh	214.326.000	214.326.000	100,0%	0	0,0%
a	Kè hạ lưu sông Hiền Lương thị trấn Vạn Giã - Vạn Lương	214.326.000	214.326.000	100,0%	0	0,0%
11	Huyện Khánh Sơn	814.395.800	814.395.800	100,0%		0,0%
11.1	Phòng Tài chính kế hoạch	48.996.800	48.996.800	100,0%		0,0%
11.2	Phòng kinh tế hạ tầng huyện Khánh Sơn cùng các đơn vị liên quan xác định cự ly vận chuyển đất đi đổ thải (vị trí đổ thải)	128.470.000	128.470.000	100,0%		0,0%
a	Đường Hai Bà Trưng (Đoạn ngã ba nhà máy nước đến ngã ba đường Lê Duẩn-Gói thầu xây lắp)	128.470.000	128.470.000	100,0%		0,0%
11.3	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng huyện Khánh Sơn	636.929.000	636.929.000	100,0%		0,0%
a	Khu tái định cư thôn Dốc Trầu, xã Ba Cạm Bắc	636.929.000	636.929.000	100,0%		0,0%
-	Gói thầu xây lắp số 01	636.929.000	636.929.000	100,0%		0,0%
12	Công Ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Khánh Hòa	8.123.661.662	8.123.661.662	100,0%		0,0%
a	Điều chỉnh giảm trừ chi phí sản xuất nước sạch trong phương án giá nước sạch mới	8.123.661.662	8.123.661.662	100,0%	0	0,0%
L.7	Tăng thu	28.928.008.260	28.716.785.446	99,3%	211.222.814	0,7%
1	Thuế GTGT	2.368.874.544	2.174.375.362	91,8%	194.499.182	8,2%
2	Thuế TNDN	12.484.493.193	12.467.769.561	99,9%	16.723.632	0,1%
3	Thuế Tài nguyên	2.432.592.000	2.432.592.000	100,0%	0	0,0%
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ phần vốn NN	11.581.424.650	11.581.424.650	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
5	Phí, lệ phí	8.210.973	8.210.973	100,0%	0	0,0%
6	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	52.412.900	52.412.900	100,0%	0	0,0%
I.8	Giảm lỗ tại Doanh nghiệp	12.687.871.234	12.687.871.234	100,0%	0	0,0%
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Champagroup	5.811.665.377	5.811.665.377	100,0%	0	0,0%
2	Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	1.000.785.578	1.000.785.578	100,0%	0	0,0%
3	Công ty TNHH MTV Phát triển Trang phục Phụ nữ kiểu Pháp (Việt Nam)	5.600.982.445	5.600.982.445	100,0%	0	0,0%
4	Công ty TNHH XD Nền móng Hoàng Minh	86.195.000	86.195.000	100,0%	0	0,0%
5	Công ty TNHH Tân Vinh Phúc	188.242.834	188.242.834	100,0%	0	0,0%
II	Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa	827.479.362	827.479.362	100,0%	0	0,0%
1	Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng	827.479.362	827.479.362	100,0%	0	0,0%
1.1	Thành phố Nha Trang	827.479.362	827.479.362	100,0%	0	0,0%
	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2019	169.035.692	169.035.692	100,0%	0	0,0%
	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2020	196.137.365	196.137.365	100,0%	0	0,0%
	Dịch vụ quản lý, vận hành và bảo trì bãi chôn lấp chất thải rắn Lương Hòa	462.306.305	462.306.305	100,0%	0	0,0%
III	Chuyên đề huy động quản lý sử dụng các nguồn lực phục vụ Phòng chống dịch bệnh Covid-19	136.503.371.841	126.515.073.000	92,7%	9.988.298.841	7,3%
I.1	Kiến nghị thu hồi	868.667.000	868.667.000	100,0%	0	0,0%
1	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	14.130.000	14.130.000	100,0%	0	0,0%
	Chi hỗ trợ chi trùng đối tượng lao động tự do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19	14.130.000	14.130.000	100,0%	0	0,0%
2	Thành phố Nha Trang	489.737.000	489.737.000	100,0%	0	0,0%
2.1	Phòng Giáo dục & Đào tạo TP Nha Trang: chi hỗ trợ trùng cho tình nguyện viên tham gia phòng chống dịch Covid 19	16.185.000	16.185.000	100,0%	0	0,0%
2.2	Thành đoàn TP Nha Trang: chi hỗ trợ trùng cho tình nguyện viên tham gia phòng chống dịch Covid 19	24.960.000	24.960.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Các xã thuộc thành phố Nha Trang	448.592.000	448.592.000	100,0%	0	0,0%
a	Chi hỗ trợ chi trùng đối tượng lao động tự do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19	403.700.000	403.700.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Lộc Thọ	8.400.000	8.400.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Ngọc Hiệp	26.700.000	26.700.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phước Hải	31.500.000	31.500.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phước Hòa	5.300.000	5.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phước Long	29.400.000	29.400.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phước Tân	31.500.000	31.500.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phương Sài	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Phương Sơn	4.200.000	4.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Tân Lập	4.200.000	4.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vạn Thắng	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vạn Thạnh	6.300.000	6.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vĩnh Hải	10.500.000	10.500.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Hiệp	23.100.000	23.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vĩnh Hòa	4.200.000	4.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Ngọc	12.600.000	12.600.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vĩnh Nguyên	6.300.000	6.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vĩnh Phước	14.700.000	14.700.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Phương	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Thái	6.300.000	6.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Thạnh	42.000.000	42.000.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Vĩnh Trung	8.400.000	8.400.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Vĩnh Trường	117.600.000	117.600.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Phước Đồng	4.200.000	4.200.000	100,0%	0	0,0%
b	Chi hỗ trợ chi trùng và chi vượt định mức đối tượng lực lượng dân quân làm nhiệm vụ tại chốt kiểm soát dịch bệnh khu dân cư bị phong tỏa: xã Vĩnh Ngọc	44.892.000	44.892.000	100,0%	0	0,0%
3	Thị xã Ninh Hòa	350.700.000	350.700.000	100,0%	0	0,0%
a	Chi hỗ trợ chi trùng đối tượng lao động tự do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19	350.700.000	350.700.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Ninh Hiệp	23.100.000	23.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Ninh Diêm	23.100.000	23.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Ninh Hải	54.600.000	54.600.000	100,0%	0	0,0%
-	Phường Ninh Thủy	10.500.000	10.500.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Thọ	21.000.000	21.000.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Phước	8.400.000	8.400.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
-	Xã Ninh Vân	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Trung	16.800.000	16.800.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Thân	8.400.000	8.400.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Thượng	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Sim	25.200.000	25.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Xuân	4.200.000	4.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Phụng	8.400.000	8.400.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Bình	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Quang	46.200.000	46.200.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Lộc	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Ích	90.300.000	90.300.000	100,0%	0	0,0%
-	Xã Ninh Phú	2.100.000	2.100.000	100,0%	0	0,0%
4	Huyện Vạn Ninh	14.100.000	14.100.000	100,0%	0	0,0%
	Chi hỗ trợ chi trùng đối tượng lao động tự do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19: xã Đại Lãnh	14.100.000	14.100.000	100,0%	0	0,0%
III.2	Kiến nghị khác	135.634.704.841	125.646.406.000	92,6%	9.988.298.841	7,4%
1	UBMTTQ chuyển vào tài khoản thu ngân sách tỉnh để mua vắc xin chưa chuyển về UBMTTQ Trung ương	40.000.000.000	40.000.000.000	100,0%	0	0,0%
2	Số tiền ủng hộ mua vắc xin còn lại chưa chuyển về UBMTTQ Trung ương	9.988.298.841		0,0%	9.988.298.841	100,0%
3	Bố trí nguồn hoàn trả kinh phí chi chế độ, phụ cấp, cho cán bộ tham gia phòng, chống dịch theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 (xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang đã sử dụng để chi bồi dưỡng lực lượng tham gia công tác ATGT và mỹ quan đô thị)	44.140.000	44.140.000	100,0%	0	0,0%
4	Bố trí nguồn hoàn trả tiền thu sử dụng đất đã huy động cho phòng chống dịch Covid-19	85.602.266.000	85.602.266.000	100,0%	0	0,0%
4.1	Cấp tỉnh	46.626.000.000	46.626.000.000	100,0%	0	0,0%
4.2	Thành phố Nha Trang	38.976.266.000	38.976.266.000	100,0%	0	0,0%
C	CÁC CUỘC KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NĂM 2021	527.147.300.566	394.557.024.258	74,8%	132.590.276.308	25,2%
I	CHUYÊN ĐỀ VIỆC QUẢN LÝ QUY HOẠCH, CẤP PHÉP XÂY DỰNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2017-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA	491.830.590.709	381.270.295.258	77,5%	110.560.295.451	22,5%
1	Kiến nghị khác	491.830.590.709	381.270.295.258	77,5%	110.560.295.451	22,5%
1.1	Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	10.291.737.300	5.151.197.398	50,1%	5.140.539.902	49,9%
	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.655.834.800	3.646.573.098	99,7%	9.261.702	0,3%
	UBND thành phố Nha Trang	1.887.586.500	132.025.500	7,0%	1.755.561.000	93,0%
	UBND huyện Diên Khánh	4.124.946.000	749.228.800	18,2%	3.375.717.200	81,8%
	UBND thị xã Ninh Hòa	623.370.000	623.370.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Tạm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các dự án	481.538.853.409	376.119.097.860	78,1%	105.419.755.549	21,9%
	Công ty CP Bất động sản Hà Quang (Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, Nha Trang)	337.903.349.485	337.903.349.485	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Khánh Hòa (Dự án khu đô thị Ven sông tắc tại xã Vĩnh Thái, Nha Trang)	1.133.022.089	0	0,0%	1.133.022.089	100,0%
	Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật (Dự án Khu đô thị An Bình Tân)	27.801.436.847	27.801.436.847	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trọng điểm (Dự án Công viên bên du thuyền quốc tế)	10.414.311.528	10.414.311.528	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Trimet Nha Trang (tổ hợp khách sạn du lịch, căn hộ du lịch, bán và cho thuê Trimet Nha Trang - Bay View Park)	104.286.733.460	0	0,0%	104.286.733.460	100,0%
II	KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRỤ ANTEN CỦA ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH KHÁNH HÒA	14.579.931.857	374.391.000	2,6%	14.205.540.857	97,4%
1	Giảm chi đầu tư	657.998.000	174.230.000	26,5%	483.768.000	73,5%
1.1	Dự án Trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	174.230.000	174.230.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu số 05 thi công hạng mục Nhà kỹ thuật truyền hình, Nhà làm việc, ...	174.230.000	174.230.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Dự án Trụ sở làm việc của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	483.768.000	0	0,0%	483.768.000	100,0%
	Chi phí xây dựng gói thầu TC.2 (Thi công xây dựng và cung cấp thiết bị)	483.768.000	0	0,0%	483.768.000	100,0%
2	Kiến nghị khác	13.921.933.857	200.161.000	1,4%	13.721.772.857	98,6%
2.1	Dự án Trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	200.161.000	200.161.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Gói thầu số 02 thi công hạng trụ anten	200.161.000	200.161.000	100,0%		0,0%
2.2	Dự án Trụ sở làm việc của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	13.721.772.857	0	0,0%	13.721.772.857	100,0%
	Chi phí xây dựng gói thầu TC.2 (Phần xây dựng):	12.763.898.737	0	0,0%	12.763.898.737	100,0%
	Chi phí xây dựng gói thầu TC.2 (Phần thiết bị)	605.306.850	0	0,0%	605.306.850	100,0%
	Gói thầu TV.7	40.992.670	0	0,0%	40.992.670	100,0%
	Gói thầu Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	35.000.000	0	0,0%	35.000.000	100,0%
	Chi phí vận hành điện	276.574.600	0	0,0%	276.574.600	100,0%
III	KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KHÁNH HÒA	12.868.054.000	12.868.054.000	100,0%	0	0,0%
1	Giám chi đầu tư	1.153.544.000	1.153.544.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây dựng	410.868.000	410.868.000	100,0%		0,0%
	Thuê QLDA của Ban QLDA các CTXD dân dụng	158.155.000	158.155.000	100,0%		0,0%
	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư	158.155.000	158.155.000	100,0%		0,0%
	Chi phí kiểm toán	325.740.000	325.740.000	100,0%		0,0%
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	100.626.000	100.626.000	100,0%		0,0%
2	Kiến nghị khác	11.714.510.000	11.714.510.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây dựng	10.439.735.000	10.439.735.000	100,0%		0,0%
	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.274.775.000	1.274.775.000	100,0%		0,0%
IV	KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ NHA TRANG	7.780.854.000	0	0,0%	7.780.854.000	100,0%
1	Giám chi đầu tư	2.014.535.000	0	0,0%	2.014.535.000	100,0%
1.1	Công ty Cổ phần Vinaminco Khánh Hòa	1.481.917.000		0,0%	1.481.917.000	100,0%
	Phần xây dựng	1.064.131.000		0,0%	1.064.131.000	100,0%
	Chi phí Ban	306.196.000		0,0%	306.196.000	100,0%
	Gói thầu chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc BTCT	111.590.000		0,0%	111.590.000	100,0%
1.2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	532.618.000	0	0,0%	532.618.000	100,0%
	Chi phí quản lý cơ quan có thẩm quyền	124.574.000		0,0%	124.574.000	100,0%
	Gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi	408.044.000		0,0%	408.044.000	100,0%
2	Kiến nghị khác	5.766.319.000	0	0,0%	5.766.319.000	100,0%
	Phần xây dựng	185.500.000		0,0%	185.500.000	100,0%
	Gói thầu hệ thống điện 3 pha	5.358.870.000		0,0%	5.358.870.000	100,0%
	Chi phí khác (hệ thống điện 3 pha)	221.949.000		0,0%	221.949.000	100,0%
V	Kiểm toán Chuyên đề Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020	87.870.000	44.284.000	50,4%	43.586.000	49,6%
1	Dự án Hệ thống kênh đập Hòa Huỳnh - Bốn Tổng - Buy Ruột Ngựa	43.586.000		0,0%	43.586.000	100,0%
	Làm lớp đá đệm móng, loại đá có đường kính Dmax <= 6	43.586.000		0,0%	43.586.000	100,0%
2	Dự án Hồ chứa nước Đắc Lộc	44.284.000	44.284.000	100,0%	0	0,0%
	Đường phục vụ thi công tràn	44.284.000	44.284.000	100,0%	0	0,0%
D	CÁC CUỘC KIỂM TOÁN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2020 TRỞ VỀ TRƯỚC	2.621.013.499.934	2.561.985.036.524	97,7%	59.028.463.410	2,3%
I	Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường cất hạ cánh số 02 - Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	1.754.861.109	1.754.861.109	100,0%	0	0,0%
1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa: Chi phí QLDA	1.754.861.109	1.754.861.109	100,0%		0,0%
II	Cuộc kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020	1.532.357.000	768.629.000	50,2%	763.728.000	49,8%
1	Thu hồi nợ NSNN: Rà phá bom mìn và Tư vấn giám sát của 02 dự án Cải thiện tình lộ 1B và Xây dựng CSHT khu TĐC Xóm Quán	1.043.951.000	280.223.000	26,8%	763.728.000	73,2%
2	Giám thanh toán Dự án Xây dựng CSHT khu TĐC xóm Quán	287.838.000	287.838.000	100,0%	0	0,0%
3	Thương thảo giảm GTHĐ Dự án Xây dựng CSHT khu TĐC Xóm quán	200.568.000	200.568.000	100,0%	0	0,0%
III	Cuộc Kiểm toán NSNN 2018	609.483.126.396	609.483.126.396	100,0%	0	0,0%
1	TẶNG THU	6.938.886.323	6.938.886.323	100,0%	0	0,0%
1.1	Thuế GTGT	1.045.826.732	1.045.826.732	100,0%	0	0,0%
1.1.1	Cục Thuế	303.149.360	303.149.360	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Gia Lộc	20.850.701	20.850.701	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP đầu tư VCN	96.437.022	96.437.022	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	5.043.455	5.043.455	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Xây Lắp Số 1	180.818.182	180.818.182	100,0%	0	0,0%
1.1.2	Chi cục Thuế thành phố Nha Trang	57.101.240	57.101.240	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Văn Đức	9.735.440	9.735.440	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Xây lắp 19/5	47.365.800	47.365.800	100,0%	0	0,0%
1.1.3	Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh	302.643.364	302.643.364	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH TVXD-TM Vinh Huy	302.643.364	302.643.364	100,0%	0	0,0%
1.1.4	Chi cục Thuế huyện Diên Khánh	193.058.000	193.058.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Quyết Tiến	120.323.818	120.323.818	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây Dựng Trường Thành	72.734.182	72.734.182	100,0%	0	0,0%
1.1.5	Chi cục Thuế huyện Cam Lâm	185.510.213	185.510.213	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	37.017.829	37.017.829	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần KT Nghĩa Phát	76.683.727	76.683.727	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần sản xuất & VLXD Ánh Dương	71.808.657	71.808.657	100,0%	0	0,0%
1.1.6	Đơn vị dự toán	4.364.555	4.364.555	100,0%	0	0,0%
	Sở Công Thương: TT Khuyến công và Xúc tiến thương mại	4.364.555	4.364.555	100,0%	0	0,0%
1.2	Thuế TNDN	5.405.778.596	5.405.778.596	100,0%	0	0,0%
1.2.1	Cục Thuế	4.079.417.109	4.079.417.109	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Xây dựng công trình 510	154.938.226	154.938.226	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tín Thịnh	283.681.000	283.681.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư	169.547.313	169.547.313	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Bất động sản Hà Quang	2.578.726.245	2.578.726.245	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Gia Lộc	53.985.530	53.985.530	100,0%	0	0,0%
	Công Ty CP đầu tư Champagroup	111.305.339	111.305.339	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	29.228.360	29.228.360	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sản xuất và xây dựng Khánh Hòa	515.989.729	515.989.729	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Xây Lắp Số 1	182.015.367	182.015.367	100,0%	0	0,0%
1.2.2	Chi cục Thuế thành phố Nha Trang	735.732.391	735.732.391	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Vinco	57.589.260	57.589.260	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Ánh Minh	59.847.269	59.847.269	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Quốc Nguyên	67.150.435	67.150.435	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH XD Thiên Phú NT	32.520.000	32.520.000	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Xây lắp 19/5	2.168.190	2.168.190	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Phương Anh Nha Trang	57.400.000	57.400.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Lan Anh	388.497.237	388.497.237	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	70.560.000	70.560.000	100,0%	0	0,0%
1.2.3	Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh	206.625.117	206.625.117	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH TVXD-TM Vinh Huy	151.321.682	151.321.682	100,0%	0	0,0%
	DNTN thủy sản Toàn Phát	21.386.340	21.386.340	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sao Biển	14.340.148	14.340.148	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Thuận Đức	19.576.947	19.576.947	100,0%	0	0,0%
1.2.4	Chi cục Thuế huyện Diên Khánh	167.482.925	167.482.925	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Quyết Tiến	48.377.636	48.377.636	100,0%	0	0,0%
	DNTN Thanh Danh	69.911.182	69.911.182	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH T&H Nha Trang	31.737.903	31.737.903	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây Dựng Trường Thành	17.456.204	17.456.204	100,0%	0	0,0%
1.2.5	Chi cục Thuế huyện Cam Lâm	140.413.281	140.413.281	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	74.033.659	74.033.659	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần sản xuất & VLXD Ánh Dương	66.379.622	66.379.622	100,0%	0	0,0%
1.2.6	Đơn vị dự toán	76.107.773	76.107.773	100,0%	0	0,0%
	Sở Giao thông vận tải: TT Đăng kiểm xe cơ giới	8.915.000	8.915.000	100,0%	0	0,0%
	Sở Công thương: TT Khuyến công và Xúc tiến thương mại	67.192.773	67.192.773	100,0%	0	0,0%
1.3	Thuế nhà thầu	58.354.561	58.354.561	100,0%	0	0,0%
1.3.1	Cục Thuế	58.354.561	58.354.561	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP A&B Sài Gòn Nha Trang	58.354.561	58.354.561	100,0%	0	0,0%
1.4	Thuế tài nguyên	193.505.493	193.505.493	100,0%	0	0,0%
1.4.1	Đối chiếu từ Sở TN và MT	193.505.493	193.505.493	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Bách Việt	115.039.477	115.039.477	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Phước Thành	5.169.891	5.169.891	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV Hàng Hải	73.296.125	73.296.125	100,0%	0	0,0%
1.5	Phí BVMT	182.990.892	182.990.892	100,0%	0	0,0%
1.5.1	Đối chiếu từ Sở TN và MT	182.990.892	182.990.892	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Hiền Vinh	69.444.990	69.444.990	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần quản lý và Xây dựng đường bộ Khánh Hòa	66.207.621	66.207.621	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Phước Thành	18.688.696	18.688.696	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV Hàng Hải	28.649.585	28.649.585	100,0%	0	0,0%
1.6	Thuế TNCN	52.430.049	52.430.049	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
1.6.1	Cục Thuế	52.430.049	52.430.049	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH vật liệu trang trí xây dựng Ngọc Nga	52.430.049	52.430.049	100,0%	0	0,0%
2	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	6.599.769.121	6.599.769.121	100,0%	0	0,0%
2.1	Cục Thuế	146.704.014	146.704.014	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP đầu tư VCN	107.340.378	107.340.378	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Khánh Hòa	39.363.636	39.363.636	100,0%	0	0,0%
2.2	Chi cục Thuế thành phố Nha Trang	5.355.244.384	5.355.244.384	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Văn Đức	164.018.564	164.018.564	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Liên Hưng	94.152.489	94.152.489	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần Trần Thái Cam Ranh	1.212.100.959	1.212.100.959	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Lan Anh	3.884.972.372	3.884.972.372	100,0%	0	0,0%
2.3	Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh	74.865.643	74.865.643	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sao Biển	41.211.750	41.211.750	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Thuận Đức	33.653.893	33.653.893	100,0%	0	0,0%
2.4	Chi cục Thuế huyện Cam Lâm	1.022.955.080	1.022.955.080	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH BMC Khánh Hòa	1.022.955.080	1.022.955.080	100,0%	0	0,0%
3	Các khoản thu hồi, giảm chi ngân sách:	107.951.455.645	107.951.455.645	100,0%	0	0,0%
3.1	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai chế độ	2.628.187.194	2.628.187.194	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	413.747.424	413.747.424	100,0%	0	0,0%
	Thu hồi, nộp NSNN do giao dự toán thừa cho Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp	413.747.424	413.747.424	100,0%	0	0,0%
b	Sở Tài nguyên và Môi trường				0	
	<i>Chi thanh toán gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư Trạm quan trắc không khí tự động tại thôn Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa không thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường đã được giao (dự án đầu tư Trạm quan trắc không khí tự động tại thôn Ninh Ích có kinh phí chi đầu tư dự án riêng)</i>	104.117.336	104.117.336	100,0%	0	0,0%
c	Sở Nông nghiệp và PTNT					
c.1	Đê Ninh Hà					
	<i>Giảm trừ do nghiệm thu thanh toán thừa thời gian giám sát theo hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế xây dựng công trình và nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu khảo sát</i>	33.842.000	33.842.000	100,0%	0	0,0%
	<i>Giảm trừ gồm các nội dung sau: Nghiệm thu thanh toán như dự toán, nhưng dự toán tính trung 1% trên tổng diện tích toàn bộ khu vực cần dò tìm xử lý bom mìn, vật liệu nổ (đã tính trong hạng mục khảo sát, thu thập số liệu, đánh dấu phạm vi dò tìm xử lý bom mìn vật nổ theo quy định tại tiết 3 điều 6 chương 2 Quyết định số 95/QĐ-BQP ngày 07/8/2003 của BQP là 10,471trđ, chưa giảm trừ 2% theo TT 140/2011/TT-BQP với số tiền 20,941trđ</i>	31.412.000	31.412.000	100,0%	0	0,0%
d	Thành phố Nha Trang					
d.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch					
d.2	Công ty Cổ phần MTĐT Nha Trang					
	<i>Công ty sử dụng điện chiếu sáng công cộng để bơm nước tưới cây</i>	13.344.983	13.344.983	100,0%	0	0,0%
d.3	BQL dịch vụ công ích thành phố Nha Trang					
	<i>Giảm kinh phí thu gom, vận chuyển xử lý rác do đơn vị quyết toán sai khối lượng quét hè, quét đường và tua vỉa hè của Khu TĐC Vĩnh Trường, KDC Nam Hòn Khô, KDC Hòn Ró</i>	628.941.805	628.941.805	100,0%	0	0,0%
	<i>Giảm kinh phí trồng cây xanh khắc phục bão số 12 với Công ty TNHH Xây dựng và cây xanh Nha Trang do quyết toán trùng khối lượng hạng mục đào hố trồng cây xanh</i>	69.670.184	69.670.184	100,0%	0	0,0%
d.4	BQLDA các công trình xây dựng Nha Trang					
	<i>Gói thầu xây lắp Dự án: Đường Hàn Thuyên (do tính toán sai khối lượng)</i>	20.818.000	20.818.000	100,0%	0	0,0%
d.5	Phòng GD-ĐT thành phố Nha Trang					
	<i>Gói thầu xây lắp Dự án: Trường THPT Phan Sào Nam. Hạng mục: khối học tập, nhà đa năng, nhà hành chính, nhà xe</i>	111.387.000	111.387.000	100,0%	0	0,0%
e	Huyện Cam Lâm					
e.1	Phòng Kinh tế - hạ tầng			0		
	<i>Thanh toán tiền xử lý rác thải cho doanh nghiệp trúng thầu không đúng khối lượng</i>	132.532.462	132.532.462	100,0%	0	0,0%
e.2	BQLDA ĐTXD huyện Cam Lâm					

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Gói thầu xây lắp thuộc dự án Mặt đường BTXM, tường chắn, rãnh thoát nước bên phải tuyến và gia cố công tròn đường Hồ Mây, xã Cam Hiệp Bắc	58.957.000	58.957.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu xây lắp thuộc dự án Đường vào khu sản xuất Đồng Cam, xã Suối Cát	36.752.000	36.752.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu xây lắp thuộc dự án Đường vận chuyển nông sản liên vùng xã Cam Hòa - Cam Hiệp Bắc	171.969.000	171.969.000	100,0%	0	0,0%
f	Huyện Vạn Ninh		0			
f.1	BQLDA ĐTXD huyện Vạn Ninh					
	Gói thầu số 2: san nền, đường giao thông, thoát nước mưa Dự án Khu ĐDC Vạn Phú	61.126.000	61.126.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu số 8: thi công xây dựng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước Dự án đường Phạm Ngũ Lão (đoạn từ đường 14/8 đến đường Hà Huy Tập)	13.120.000	13.120.000	100,0%	0	0,0%
g	Huyện Diên Khánh					
g.1	BQLDA ĐTXD huyện Diên Khánh					
	Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC-DT Dự án Kè chống sạt lở bờ bắc thị trấn Diên Khánh (gđ 2)	679.828.000	679.828.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu thi công xây dựng công trình dự án Kè chống sạt lở sông Cái (đoạn qua xã Diên An)	15.727.000	15.727.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu thi công xây dựng công trình dự án khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Chò, xã Diên Xuân	30.895.000	30.895.000	100,0%	0	0,0%
3.2	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp NS cấp trên	60.109.742.713	60.109.742.713	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	31.635.676.995	31.635.676.995	100,0%	0	0,0%
a.1	Kinh phí CTMT, bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi tồn kết dư NS tỉnh phải nộp trả NSTW	15.963.249.000	15.963.249.000	100,0%	0	0,0%
a.2	Kinh phí CTMT, bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi tồn kết dư NS huyện phải nộp trả NS tỉnh (chọn mẫu từ Sở Tài chính)	15.672.427.995	15.672.427.995	100,0%	0	0,0%
	Huyện Khánh Sơn	1.490.547.000	1.490.547.000	100,0%	0	0,0%
	Thị xã Ninh Hòa	4.138.161.000	4.138.161.000	100,0%	0	0,0%
	Thành phố Cam Ranh	10.043.719.995	10.043.719.995	100,0%	0	0,0%
b	Thành phố Nha Trang	4.382.275.659	4.382.275.659	100,0%	0	0,0%
	NS thành phố	2.023.474.250	2.023.474.250	100,0%	0	0,0%
	NS xã, phường	2.358.801.409	2.358.801.409	100,0%	0	0,0%
	<i>Ngọc Hiệp</i>	<i>412.159.609</i>	<i>412.159.609</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Phước Đông</i>	<i>844.500.000</i>	<i>844.500.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Phước Hải</i>	<i>14.971.200</i>	<i>14.971.200</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Phượng Sơn</i>	<i>10.976.000</i>	<i>10.976.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vạn Thắng</i>	<i>18.009.600</i>	<i>18.009.600</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vạn Thạnh</i>	<i>44.731.000</i>	<i>44.731.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vĩnh Hải</i>	<i>32.632.000</i>	<i>32.632.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vĩnh Hòa</i>	<i>59.842.000</i>	<i>59.842.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vĩnh Lương</i>	<i>783.198.000</i>	<i>783.198.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vĩnh Nguyên</i>	<i>136.870.000</i>	<i>136.870.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Vĩnh Phương</i>	<i>912.000</i>	<i>912.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
c	Huyện Cam Lâm	6.898.934.000	6.898.934.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	6.480.504.000	6.480.504.000	100,0%	0	0,0%
	Ngân sách xã	173.831.000	173.831.000	100,0%	0	0,0%
	UBND xã Cam Thành Bắc	77.408.000	77.408.000	100,0%	0	0,0%
	UBND xã Suối Cát	81.000.000	81.000.000	100,0%	0	0,0%
	UBND xã Cam Tân	1.835.000	1.835.000	100,0%	0	0,0%
	UBND xã Cam An Bắc	13.588.000	13.588.000	100,0%	0	0,0%
	Vốn đầu tư các công trình còn thừa	244.599.000	244.599.000	100,0%	0	0,0%
d	Huyện Vạn Ninh	333.309.000	333.309.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	314.580.000	314.580.000	100,0%	0	0,0%
	NS cấp xã (thị trấn Vạn Giã)	18.729.000	18.729.000	100,0%	0	0,0%
e	Huyện Diên Khánh	16.859.547.059	16.859.547.059	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	15.367.865.059	15.367.865.059	100,0%	0	0,0%
	Ngân sách xã	1.062.129.600	1.062.129.600	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên An	41.842.400	41.842.400	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Toàn	34.185.000	34.185.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Thạnh	55.544.625	55.544.625	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Lạc	15.950.000	15.950.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Hoà	48.305.675	48.305.675	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Bình	31.270.500	31.270.500	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Phước	46.800.000	46.800.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Lộc	98.875.000	98.875.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Thọ	28.794.000	28.794.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Phú	99.693.600	99.693.600	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Xã Diên Điện	92.522.000	92.522.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Sơn	64.226.000	64.226.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Lâm	61.581.000	61.581.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Tân	48.400.000	48.400.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Đồng	47.941.000	47.941.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Diên Xuân	39.235.000	39.235.000	100,0%	0	0,0%
	Xã Suối Hiệp	87.258.400	87.258.400	100,0%	0	0,0%
	Xã Suối Tiên	33.675.000	33.675.000	100,0%	0	0,0%
	Thị trấn Diên Khánh	86.030.400	86.030.400	100,0%	0	0,0%
	<i>Phòng Quản lý đô thị</i>	<i>429.552.400</i>	<i>429.552.400</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3.3	Giảm dự toán, thanh toán năm sau	4.444.490.776	4.444.490.776	100,0%	0	0,0%
a	Ban QL Khu kinh tế Vân phong					
	<i>Dự án đầu tư Đường số từ Quốc lộ 1A đến Đầm Môn: Gói thầu số 7 xây dựng hệ thống đường</i>	<i>173.351.000</i>	<i>173.351.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b	Sở Nông nghiệp và PTNT					
	<i>Dự án Đê Ninh Hà: Chi phí xây dựng</i>	<i>39.409.776</i>	<i>39.409.776</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
c	Ban QLDA ĐTXD huyện Vạn Ninh					
	Gói thầu số 08: Thi công xây dựng công trình (bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung và chi phí dự phòng) Dự án Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (gđ 1)	119.286.000	119.286.000	100,0%	0	0,0%
d	Phòng TCKH huyện Vạn Ninh					
	<i>KP hỗ trợ học tập theo ND 86/2015/ND-CP của năm 2018</i>	<i>2.325.870.000</i>	<i>2.325.870.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>KP hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4 tuổi theo QĐ 60/2011/QĐ-TTg và 5 tuổi theo QĐ 239/QĐ-TTg của năm 2018</i>	<i>1.786.574.000</i>	<i>1.786.574.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3.4	Bổ trí nguồn hoàn trả	22.585.223.696	22.585.223.696	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	15.665.000.000	15.665.000.000	100,0%	0	0,0%
b	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chưa trích đủ 40% tạo nguồn CCTL từ số thu phí được để lại	86.965.456	86.965.456	100,0%	0	0,0%
c	<i>Thành phố Nha Trang</i>					
	<i>Sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất chi hỗ trợ cho công an thành phố Nha Trang xây dựng khu tập luyện thể dục thể thao chưa phù hợp với nhiệm vụ NS thành phố</i>	<i>834.000.000</i>	<i>834.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
d	<i>Huyện Cam Lâm</i>					
	<i>Nguồn tăng thu NS huyện</i>	<i>740.000.000</i>	<i>740.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
e	<i>Huyện Diên Khánh</i>					
	<i>Nguồn tăng thu NS huyện để phân bổ chi thường xuyên không đúng quy định</i>	<i>5.134.200.000</i>	<i>5.134.200.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Phòng Quản lý đô thị xác định thiếu nguồn CCTL</i>	<i>125.058.240</i>	<i>125.058.240</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3.5	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	5.067.985.000	5.067.985.000	100,0%	0	0,0%
a	BQL Khu kinh tế Vân Phong		0			
	Đường QL1A đi Đầm Môn: Gói thầu số 07 xây dựng hệ thống đường	3.512.773.000	3.512.773.000	100,0%	0	0,0%
b	Sở Nông nghiệp và PTNT					
	<i>Đê Ninh Hà: Chi phí xây dựng</i>	<i>435.791.000</i>	<i>435.791.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
c	<i>Huyện Vạn Ninh</i>					
	<i>Gói thầu số 08: Thi công xây dựng công trình (bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung và chi phí dự phòng) Dự án Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã</i>	<i>67.411.000</i>	<i>67.411.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
d	<i>Huyện Diên Khánh</i>					
	<i>Dự án Kè chống sạt lở bờ bắc thị trấn Diên Khánh (gđ2): Gói thầu số 06: Xây lắp</i>	<i>883.010.000</i>	<i>883.010.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Dự án Kè chống sạt lở bờ bắc thị trấn Diên Khánh (gđ2): Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC-DT</i>	<i>169.000.000</i>	<i>169.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3.6	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp và hủy dự toán	6.559.346.266	6.559.346.266	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	5.932.000.000	5.932.000.000	100,0%	0	0,0%
b	<i>Sở Xây dựng</i>					
	<i>Trung tâm Quản lý nhà và chung cư chưa tính và nộp NS tiền bị thu hồi từ hoạt động KTX</i>	<i>433.888.200</i>	<i>433.888.200</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Hủy dự toán Trung tâm Quản lý nhà và chung cư số dư tài khoản từ năm 2017 chuyển sang nhưng không còn nhiệm vụ chi</i>	<i>193.458.066</i>	<i>193.458.066</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
3.7	Kiến nghị xử lý tài chính khác	6.556.480.000	6.556.480.000	100,0%	0	0,0%
a	BQL Khu kinh tế Vân Phong					
	Đường QL1A đi Đầm Môn: Gói thầu số 07 xây dựng hệ thống đường	6.556.480.000	6.556.480.000	100,0%	0	0,0%
4	Kiến nghị khác	472.441.741.179	472.441.741.179	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
4.1	Kiểm toán tại Sở Tài chính	453.431.813.063	453.431.813.063	100,0%	0	0,0%
a	Kiểm toán tại Sở Tài chính	423.223.000.000	423.223.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi nguồn CCTL chuyển năm sau do kiểm toán xác định tăng thêm	423.223.000.000	423.223.000.000	100,0%	0	0,0%
b	Quy phòng chống thiên tai	7.865.362.901	7.865.362.901	100,0%	0	0,0%
-	Chuyên quyết toán năm sau khi đủ hồ sơ, chứng từ quyết toán theo quy định	7.865.362.901	7.865.362.901	100,0%	0	0,0%
c	Quy bảo vệ và phát triển rừng tỉnh	69.450.162	69.450.162	100,0%	0	0,0%
-	Giám trích lập quỹ bổ sung thu nhập trong năm 2018 đồng thời tăng nguồn hoàn trả kinh phí ủy thác phải trả bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định	69.450.162	69.450.162	100,0%	0	0,0%
d	Huyện Khánh Sơn	17.382.000.000	17.382.000.000	100,0%	0	0,0%
-	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí BSMT còn nhiệm vụ chi	17.382.000.000	17.382.000.000	100,0%	0	0,0%
e	Thị xã Ninh Hòa	4.892.000.000	4.892.000.000	100,0%	0	0,0%
-	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí BSMT còn nhiệm vụ chi	4.892.000.000	4.892.000.000	100,0%	0	0,0%
4.2	Sở Giao thông vận tải	35.660.000	35.660.000	100,0%	0	0,0%
-	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tăng số phải trích lập các quỹ từ nguồn lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi	35.660.000	35.660.000	100,0%	0	0,0%
4.3	Sở Xây dựng	202.627.084	202.627.084	100,0%	0	0,0%
-	Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng tăng số phải trích lập các quỹ từ nguồn lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi	202.627.084	202.627.084	100,0%	0	0,0%
4.4	Sở Công thương	181.805.635	181.805.635	100,0%	0	0,0%
a	Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại	181.805.635	181.805.635	100,0%	0	0,0%
	Tăng số phải trích lập các quỹ	130.448.183	130.448.183	100,0%	0	0,0%
-	Tăng số chưa phân bổ	51.357.452	51.357.452	100,0%	0	0,0%
4.5	Sở Tài nguyên và Môi trường	432.905.989	432.905.989	100,0%	0	0,0%
a	Tiền ký quỹ phục hồi môi trường	432.905.989	432.905.989	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Dịch vụ - Xây dựng Khánh Sơn	161.289.975	161.289.975	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Phước Thành	3.335.722	3.335.722	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV Hằng Hải	164.267.631	164.267.631	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods-F17	87.721.438	87.721.438	100,0%	0	0,0%
	Công ty cổ phần Ponaga	16.291.223	16.291.223	100,0%	0	0,0%
4.6	Sở NN và PNT	180.235.224	180.235.224	100,0%	0	0,0%
	Dự án Đề Ninh Hà	180.235.224	180.235.224	100,0%	0	0,0%
4.7	Huyện Diên Khánh	11.717.768.000	11.717.768.000	100,0%	0	0,0%
	NS tỉnh cho tạm ứng để đền bù hỗ trợ TĐC dự án mở rộng QL1A phần đi qua đô thị do NS tỉnh chi trả không sử dụng hết	11.717.768.000	11.717.768.000	100,0%	0	0,0%
4.8	Huyện Vạn Ninh	2.983.125.641	2.983.125.641	100,0%	0	0,0%
a	Phòng TC-KH	2.465.702.641	2.465.702.641	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi trong kết dư nguồn CCTL chuyển nguồn thiếu để sử dụng đúng mục đích	115.558.000	115.558.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi nguồn CCTL chuyển năm sau do kiểm toán xác định tăng thêm từ nguồn 40% thu học phí	2.350.144.641	2.350.144.641	100,0%	0	0,0%
b	BQLDA huyện Vạn Ninh	517.423.000	517.423.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu số 08: Thi công xây dựng công trình (bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung và chi phí dự phòng) Dự án Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (gđ 1)	517.423.000	517.423.000	100,0%	0	0,0%
4.9	Huyện Cam Lâm	3.275.800.543	3.275.800.543	100,0%	0	0,0%
a	Phòng TC-KH	3.109.603.000	3.109.603.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn CCTL	1.657.000.000	1.657.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi nguồn kinh phí ngân sách huyện hết nhiệm vụ chi đang chuyển nguồn sang năm 2019	1.452.603.000	1.452.603.000	100,0%	0	0,0%
b	UBND xã Cam An Bắc	17.197.543	17.197.543	100,0%	0	0,0%
	Tăng nguồn tăng thu chuyển nguồn	17.197.543	17.197.543	100,0%	0	0,0%
c	UBND xã Cam Hải Đông	149.000.000	149.000.000	100,0%	0	0,0%
	Tăng nguồn CCTL chuyển sang năm 2019	149.000.000	149.000.000	100,0%	0	0,0%
5	GIẢM LỖ	15.511.885.416	15.511.885.416	100,0%	0	0,0%
5.1	Cục Thuế	162.307.052	162.307.052	100,0%	0	0,0%
a	Công ty CP Thanh Yên Vân Phong (MST: 4200733876).	162.307.052	162.307.052	100,0%	0	0,0%
5.2	Chi cục Thuế thành phố Nha Trang	15.349.578.364	15.349.578.364	100,0%	0	0,0%
a	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Văn Đức (MST: 4201699353).	4.618.315.691	4.618.315.691	100,0%	0	0,0%
b	Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Liên Hưng (MST:4201219374).	2.131.524.888	2.131.524.888	100,0%	0	0,0%
c	Công ty cổ phần Thành Hưng NT (MST:4200340265).	476.318.079	476.318.079	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
d	Công ty TNHH Lan Anh (MST: 4200723980).	8.123.419.706	8.123.419.706	100,0%	0	0,0%
6	GIÁM THUẾ TNDN PHẢI NỘP	39.388.712	39.388.712	100,0%	0	0,0%
a	Công ty CP đầu tư VCN (MST 4200644489)	39.388.712	39.388.712	100,0%	0	0,0%
IV	Chuyên đề BT	64.919.026.982	64.919.026.982	100,0%	0	0,0%
1	Giảm dự toán thanh toán năm sau	14.605.512.818	14.605.512.818	100,0%	0	0,0%
1.1	Dự án Đường số 4 (đường số 6-đường 23), phía Tây Lê Hồng Phong	5.962.939.000	5.962.939.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây dựng	5.931.643.000	5.931.643.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí QLDA của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	31.296.000	31.296.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Dự án Hệ thống thoát nước mưa (Giai đoạn 2), KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	3.330.268.818	3.330.268.818	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây lắp	2.086.542.000	2.086.542.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.243.726.818	1.243.726.818	100,0%	0	0,0%
1.3	Dự án Hệ thống tuyến đường nhánh KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	5.312.305.000	5.312.305.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây lắp	4.079.505.000	4.079.505.000	100,0%	0	0,0%
	Chi phí quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.232.800.000	1.232.800.000	100,0%	0	0,0%
2	Kiến nghị khác	50.313.514.164	50.313.514.164	100,0%	0	0,0%
2.1	Dự án Hệ thống thoát nước mưa (Giai đoạn 2), KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	17.037.882.166	17.037.882.166	100,0%	0	0,0%
	Chi phí lãi vay	17.037.882.166	17.037.882.166	100,0%	0	0,0%
2.2	Dự án Hệ thống tuyến đường nhánh KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	33.275.631.998	33.275.631.998	100,0%	0	0,0%
	Chi phí lãi vay	33.120.856.998	33.120.856.998	100,0%	0	0,0%
	Chi phí xây lắp	154.775.000	154.775.000	100,0%	0	0,0%
V	CUỘC KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017	1.849.105.797.854	1.839.645.951.037	99,5%	9.459.846.817	0,5%
1	Các khoản kiến nghị tăng thu ngân sách:	31.341.285.592	31.144.527.775	99,4%	196.757.817	0,6%
1.1	Cục Thuế quản lý	25.116.645.499	25.116.645.499	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sản Xuất và Xây Dựng Khánh Hòa	81.205.273	81.205.273	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại Virgo Nha Trang	6.384.747.013	6.384.747.013	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Tân Việt	149.148.704	149.148.704	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Ponaga	106.284.219	106.284.219	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Quốc Tế	113.547.000	113.547.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Du lịch Nhật Minh	1.039.641.826	1.039.641.826	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	106.104.290	106.104.290	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư nhà An Khánh	1.869.838.789	1.869.838.789	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây lắp điện Nha Trang	109.353.960	109.353.960	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Nam Phát	18.782.837	18.782.837	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Kỹ thuật Địa chất An Bình	76.441.989	76.441.989	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư	142.355.536	142.355.536	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinh Nha Trang	910.509.197	910.509.197	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư P.H Nha Trang	3.109.285.943	3.109.285.943	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	129.196.515	129.196.515	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Trung Tín	118.992.000	118.992.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Crystal Bay	546.363.636	546.363.636	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	1.568.554.545	1.568.554.545	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và Xây dựng giao thông Khánh Hòa	6.978.379.919	6.978.379.919	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang	1.329.936.688	1.329.936.688	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Văn Lang	51.211.859	51.211.859	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư phát triển nhà Thái Xuân	135.056.817	135.056.817	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sao Mai Thế Kỳ 21	41.706.944	41.706.944	100,0%	0	0,0%
1.2	Chi cục Thuế Tp Nha Trang quản lý	4.171.307.068	4.171.307.068	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu xây dựng Việt Anh	102.412.694	102.412.694	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Kiến Trúc - Xây dựng 26	54.190.701	54.190.701	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH XD 189	72.282.840	72.282.840	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Hoàng Phú Thái	144.180.798	144.180.798	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Công trình Xây dựng Trường Thịnh	152.045.120	152.045.120	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thiện Long Nha Trang	101.830.416	101.830.416	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương Mại & Du lịch Đầm Long	16.760.000	16.760.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV ACC Nha Trang	1.153.135.105	1.153.135.105	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây Dựng NT Minh Tuấn	14.909.865	14.909.865	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Khánh An	312.541.164	312.541.164	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng CIC	134.386.058	134.386.058	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Thành Phát	157.837.919	157.837.919	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Dũng Lợi	222.230.596	222.230.596	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Phương Long Bình	58.172.545	58.172.545	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Quốc Nguyên	55.564.125	55.564.125	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ MH	69.612.394	69.612.394	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư Khách sạn và Du lịch Nha Trang	1.123.800.256	1.123.800.256	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng An Huy Khánh Hòa	53.496.382	53.496.382	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Thành Danh	51.840.458	51.840.458	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Khánh Hội	30.388.859	30.388.859	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tuệ Nhân Plus	38.535.500	38.535.500	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	51.153.273	51.153.273	100,0%	0	0,0%
1.3	Chi cục Thuế TP Cam Ranh quản lý	797.051.127	797.051.127	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đông Đô	51.299.417	51.299.417	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch Vụ Cát Khánh	156.793.748	156.793.748	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH 791	55.835.729	55.835.729	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Hưng Lộc	34.012.014	34.012.014	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH XD Đại Lộc	54.099.067	54.099.067	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Xây Dựng Và Thương Mại Tân Phú Hưng	133.388.975	133.388.975	100,0%	0	0,0%
	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng TAL	96.679.600	96.679.600	100,0%	0	0,0%
	Chi Nhánh Cam Ranh - Công ty TNHH Đá Hóa An 1	71.728.200	71.728.200	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Ngọc Minh Ánh	39.172.688	39.172.688	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây lắp Đại An	104.041.689	104.041.689	100,0%	0	0,0%
1.4	Chi cục Thuế thị xã Ninh Hòa quản lý	297.560.952	297.560.952	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Hiệp Thành Phát	12.287.427	12.287.427	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Mạnh Trung	8.927.750	8.927.750	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Vĩnh Nguyên	56.274.153	56.274.153	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng Ivcon	53.394.545	53.394.545	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thiên Ân	37.935.141	37.935.141	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Chế biến dăm gỗ Đại Thắng Ninh Tây	105.031.320	105.031.320	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Vĩnh Hưng Phát	23.710.616	23.710.616	100,0%	0	0,0%
1.5	Chi cục Thuế Khánh Sơn quản lý	113.780.765	113.780.765	100,0%	0	0,0%
	DNTN Hùng Anh	60.493.160	60.493.160	100,0%	0	0,0%
	DNTN Hạp Thịnh	41.549.275	41.549.275	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Minh Thiện KS	11.130.000	11.130.000	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sắt Thép Khánh Sơn	608.330	608.330	100,0%	0	0,0%
1.6	Chi cục Thuế Khánh Vĩnh quản lý	658.497.824	461.740.007	70,1%	196.757.817	29,9%
	Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Nguyễn Hùng	60.939.960	60.939.960	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH SX TM - Xây dựng Gia Hợp	236.939.174	236.939.174	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tân Khánh Hòa KH	108.209.878	108.209.878	100,0%	0	0,0%
	Công Ty TNHH Dịch Vụ - Xây Dựng Khánh Sơn	55.650.995	55.650.995	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Phúc Bình Minh	196.757.817	0	0,0%	196.757.817	100,0%
1.7	Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	39.101.652	39.101.652	100,0%	0	0,0%
1.8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.628.000	5.628.000	100,0%	0	0,0%
	Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc người có công Khánh Hòa	5.628.000	5.628.000	100,0%	0	0,0%
1.9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19.458.900	19.458.900	100,0%	0	0,0%
	Chi cục Thủy sản	19.458.900	19.458.900	100,0%	0	0,0%
1.10	Sở Văn Hóa và Thể thao	66.242.805	66.242.805	100,0%	0	0,0%
	Trung tâm dịch vụ Thi đấu Thể thao	50.042.805	50.042.805	100,0%	0	0,0%
	Thư viện tỉnh Khánh Hòa	16.200.000	16.200.000	100,0%	0	0,0%
1.11	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	56.011.000	56.011.000	100,0%	0	0,0%
	Tỉnh Đoàn	30.000.000	30.000.000	100,0%	0	0,0%
	Nhà thiếu nhi	26.011.000	26.011.000	100,0%	0	0,0%
2	Chi tiết phát hiện các sai sót khác (giảm lỗ)	403.564.242.272	403.564.242.272	100,0%	0	0,0%
2.1	Cục Thuế quản lý	373.197.398.836	373.197.398.836	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Sản Xuất và Xây Dựng Khánh Hòa	517.924.584	517.924.584	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại Virgo Nha Trang	996.520.260	996.520.260	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Du lịch Sinh thái Thanh Vân	26.619.365.850	26.619.365.850	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Du lịch Nhật Minh	2.537.559.301	2.537.559.301	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Kỹ thuật Cầu đường An Phong	805.249.800	805.249.800	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Thương mại Đầu tư P.H Nha Trang	4.966.603.248	4.966.603.248	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Cà phê Mê Trang	1.291.965.153	1.291.965.153	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà Thái Xuân	4.373.259.363	4.373.259.363	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Hoàn Cầu Nha Trang	331.088.951.277	331.088.951.277	100,0%	0	0,0%
2.2	Chi cục Thuế Nha Trang quản lý	11.232.117.149	11.232.117.149	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Tuệ Nhân Plus	6.541.370.318	6.541.370.318	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Công ty TNHH Phương Long Bình	581.725.455	581.725.455	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu xây dựng Việt Anh	549.858.939	549.858.939	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thiện Long Nha Trang	1.985.696.459	1.985.696.459	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây Dựng NT Minh Tuấn	451.410.884	451.410.884	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Hoàng Phú Thái	1.122.055.094	1.122.055.094	100,0%	0	0,0%
2.3	Chi cục Thuế Khánh Vĩnh quản lý	19.134.726.287	19.134.726.287	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Nguyễn Hùng	17.655.553.106	17.655.553.106	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH MTV Tân Đại Minh KV	1.479.173.181	1.479.173.181	100,0%	0	0,0%
3	Các khoản thu hồi, giảm chi ngân sách:	208.760.490.169	207.827.157.169	99,6%	933.333.000	0,4%
3.1	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định	26.704.799.062	25.771.466.062	96,5%	933.333.000	3,5%
a	Sở Tài chính	21.069.801.650	20.969.801.650	99,5%	100.000.000	0,5%
	Thu hồi Quỹ phát triển nhà	828.000.000	828.000.000	100,0%		0,0%
	Cty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Nam Khánh Hòa	1.081.799.028	1.081.799.028	100,0%		0,0%
	Cty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Bắc Khánh Hòa	3.052.900.818	3.052.900.818	100,0%	0	0,0%
	HTX Quyết Thắng	1.148.119.704	1.148.119.704	100,0%	0	0,0%
	Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư	1.523.058.300	1.523.058.300	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	692.923.800	692.923.800	100,0%		0,0%
	Hội Trí thức	100.000.000		0,0%	100.000.000	100,0%
	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	12.643.000.000	12.643.000.000	100,0%		0,0%
	BV Đa liệu	518.000.000	518.000.000	100,0%		0,0%
	BV CK Tâm thần	1.612.000.000	1.612.000.000	100,0%		0,0%
	BV Nhiệt đới	1.407.000.000	1.407.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Cam Ranh	630.000.000	630.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Vạn Ninh	1.477.000.000	1.477.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Ninh Hòa	2.251.000.000	2.251.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Diên Khánh	1.396.000.000	1.396.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Khánh Vĩnh	1.398.000.000	1.398.000.000	100,0%		0,0%
	TTYT Khánh Sơn	1.954.000.000	1.954.000.000	100,0%		0,0%
b	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa				0	
	Dự án đường số 4 khu dân cư Tây Lê Hồng Phong đoạn từ đường số 23- đến số 28: Gói thầu số 4	142.345.000	142.345.000	100,0%	0	0,0%
c	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình DD & CN tỉnh Khánh Hòa				0	
	Dự án Trường THPT Nam Nha Trang (giai đoạn 1)				0	
	Gói thầu A1: Phá dỡ hiện trạng (giai đoạn 1)	487.578.000	487.578.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu A1a: Gói thầu A1a: Phá dỡ hiện trạng đợt 2 giai đoạn 1	49.795.000	49.795.000	100,0%	0	0,0%
d	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa				0	
	Dự án Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, thành phố Nha Trang				0	
	Gói thầu: Khối lượng san nền dờ dang trong diện tích 90.010,99m2 của gói thầu số 01-San nền (GD1) và kê sống	833.333.000		0,0%	833.333.000	100,0%
	Gói thầu: Thi công hạng mục mương thoát nước chính dọc đường Nguyễn Tất Thành	32.066.000	32.066.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu: Thi công xây dựng hạng mục san nền phần san nền khu vực trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn và trung tâm Đào tạo Thanh niên	302.576.000	302.576.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu: Tư vấn khảo sát và lập hồ sơ thiết kế BVTC- Dự toán hạng mục san nền toàn bộ dự án và 02 mương thoát nước chính	13.599.000	13.599.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng phần san nền khu vực trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn và trung tâm Đào tạo Thanh niên	12.867.000	12.867.000	100,0%	0	0,0%
e	Phòng KT-HT huyện Khánh Vĩnh				0	
	Dự án: Khu tái định cư Gia Lợi (gói thầu thi công xây dựng công trình Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật và nhà ở tái định cư)	32.574.000	32.574.000	100,0%	0	0,0%
f	UBND huyện Khánh Sơn				0	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	960.000.000	960.000.000	100,0%	0	0,0%
	Văn phòng Huyện Ủy	332.665.667	332.665.667	100,0%	0	0,0%
g	Trung Tâm Phát triển Quỹ đất	453.960.000	453.960.000	100,0%	0	0,0%
h	Trung tâm Y tế TP Nha Trang	141.638.745	141.638.745	100,0%	0	0,0%
i	Trung tâm Y tế Ninh Hòa	954.000.000	954.000.000	100,0%	0	0,0%
j	Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	886.000.000	886.000.000	100,0%	0	0,0%
3.2	Thu hồi kinh phí thừa	34.165.204.107	34.165.204.107	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	4.514.000.000	4.514.000.000	100,0%	0	0,0%
b	UBND thành phố Cam Ranh	3.880.956.879	3.880.956.879	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
b.1	Phòng Tài chính Kế hoạch	2.533.697.000	2.533.697.000	100,0%	0	0,0%
b.2	Các đơn vị cấp xã	1.347.259.879	1.347.259.879	100,0%	0	0,0%
	<i>Cam Thành Nam</i>	<i>104.839.640</i>	<i>104.839.640</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Phước Đông</i>	<i>397.927.400</i>	<i>397.927.400</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Thịnh Đông</i>	<i>46.705.480</i>	<i>46.705.480</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Thịnh Tây</i>	<i>67.554.520</i>	<i>67.554.520</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Lập</i>	<i>29.730.880</i>	<i>29.730.880</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Bình</i>	<i>32.630.280</i>	<i>32.630.280</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Nghĩa</i>	<i>135.453.863</i>	<i>135.453.863</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Phúc Bắc</i>	<i>132.906.880</i>	<i>132.906.880</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Phúc Nam</i>	<i>74.463.056</i>	<i>74.463.056</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Phú</i>	<i>75.426.000</i>	<i>75.426.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Thuận</i>	<i>32.568.880</i>	<i>32.568.880</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Lộc</i>	<i>38.331.120</i>	<i>38.331.120</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Linh</i>	<i>17.490.440</i>	<i>17.490.440</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Cam Lợi</i>	<i>55.114.320</i>	<i>55.114.320</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Ba Ngòi</i>	<i>106.117.120</i>	<i>106.117.120</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b.3	UBND thị xã Ninh Hòa	6.154.211.000	6.154.211.000	100,0%	0	0,0%
	<i>Tại phòng Tài chính - kế hoạch</i>	<i>5.891.768.000</i>	<i>5.891.768.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Ninh Quang</i>	<i>83.286.000</i>	<i>83.286.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Ninh Phú</i>	<i>99.735.000</i>	<i>99.735.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Phường Ninh Hiệp</i>	<i>79.422.000</i>	<i>79.422.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b.4	UBND huyện Khánh Vĩnh	6.222.214.250	6.222.214.250	100,0%	0	0,0%
	<i>Phòng Tài chính - Kế hoạch</i>	<i>5.975.117.250</i>	<i>5.975.117.250</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Các xã, thị trấn: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu</i>	<i>202.000.000</i>	<i>202.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Giang Ly</i>	<i>2.497.000</i>	<i>2.497.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Khánh Bình</i>	<i>42.600.000</i>	<i>42.600.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b.5	UBND huyện Khánh Sơn	9.538.797.000	9.538.797.000	100,0%	0	0,0%
	<i>Phòng Tài chính - Kế hoạch</i>	<i>9.132.495.000</i>	<i>9.132.495.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Thị trấn Tô Hạp</i>	<i>97.052.000</i>	<i>97.052.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Ba Cạm Nam</i>	<i>254.250.000</i>	<i>254.250.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Xã Sơn Hiệp</i>	<i>55.000.000</i>	<i>55.000.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b.6	UBND TP Nha Trang	1.745.981.600	1.745.981.600	100,0%	0	0,0%
b.7	UBND huyện Vạn Ninh	772.504.378	772.504.378	100,0%	0	0,0%
b.7	UBND huyện Cam Lâm	1.336.539.000	1.336.539.000	100,0%	0	0,0%
3.3	Giám dự toán, thanh toán năm sau	1.836.122.000	1.836.122.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa				0	
	<i>Dự án đầu tư Đường số 28 Khu dân cư Tây Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1); gói thầu số 04: Thi công xây lắp Đường số 28 Khu dân cư Tây Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)</i>	<i>51.079.000</i>	<i>51.079.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
b	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình DD & CN tỉnh Khánh Hòa				0	
	<i>Dự án Trường THPT Nam Nha Trang (giai đoạn 1); Gói thầu A3_ Khối hành chính, học tập 1, bể nước ngầm, sân BT, trụ cờ, nhà xe,...</i>	<i>281.629.000</i>	<i>281.629.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
c	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa				0	
	<i>Dự án Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, thành phố Nha Trang</i>				0	
	<i>Gói thầu số 11: Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1</i>	<i>63.792.000</i>	<i>63.792.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Gói thầu: Tư vấn khảo sát và lập hồ sơ thiết kế BVTC- Dự toán hạng mục san nền toàn bộ dự án và 02 mương thoát nước chính</i>	<i>49.807.000</i>	<i>49.807.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
	<i>Tư vấn giám sát thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1</i>	<i>3.807.000</i>	<i>3.807.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
d	Ban QLDA ĐT Thành phố Cam Ranh				0	
	<i>Dự án Kế bảo vệ hai bờ sông Trà Long: Gói thầu số 8</i>	<i>295.379.000</i>	<i>295.379.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
e	Ban QLDA các công trình XD Ninh Hòa				0	
-	<i>Dự án thoát lũ Tân Lâm - giai đoạn II: Gói thầu xây lắp</i>	<i>524.735.000</i>	<i>524.735.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
f	Phòng KT-HT huyện Khánh Vĩnh				0	
	<i>Dự án Nâng cấp mở rộng, hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã trung tâm huyện: Khánh Nam, Khánh Thành, Sông Cầu; Gói thầu thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị công trình</i>	<i>49.722.000</i>	<i>49.722.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>
g	Ban QLDA ĐT huyện Khánh Sơn				0	
	<i>Dự án đường và cầu treo Cam Khánh: Gói thầu xây lắp</i>	<i>62.171.000</i>	<i>62.171.000</i>	<i>100,0%</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
	Dự án Kè bờ suối Tà Lương: Gói thầu xây lắp	56.001.000	56.001.000	100,0%	0	0,0%
h	UBND huyện Khánh Vĩnh				0	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	398.000.000	398.000.000	100,0%	0	0,0%
3.4	Nộp ngân sách cấp trên	4.006.000.000	4.006.000.000	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính Kế hoạch Khánh Sơn	4.006.000.000	4.006.000.000	100,0%	0	0,0%
3.5	Bổ trí nguồn hoàn trả	131.180.500.000	131.180.500.000	100,0%	0	0,0%
a	Sở Tài chính	130.775.600.000	130.775.600.000	100,0%	0	0,0%
b	Thị xã Ninh Hòa			#DIV/0!	0	#DIV/0!
	Phòng Tài chính Kế hoạch	404.900.000	404.900.000	100,0%	0	0,0%
3.6	Kiến nghị xử lý tài chính khác	10.867.865.000	10.867.865.000	100,0%	0	0,0%
a	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa				0	
	Dự án đường số 4 khu dân cư Tây Lê Hồng Phong đoạn từ đường số 23- đến số 28: Gói thầu số 4	109.498.000	109.498.000	100,0%	0	0,0%
	Dự án đầu tư Đường số 28 Khu dân cư Tây Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1): Gói thầu số 4	115.903.000	115.903.000	100,0%	0	0,0%
b	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa				0	
	Dự án Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, thành phố Nha Trang				0	
	Gói thầu Xây lắp số 1: hạng mục san nền, kè bờ sông	9.601.000.000	9.601.000.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu số 11: Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1	94.528.000	94.528.000	100,0%	0	0,0%
	Gói thầu: Thi công hạng mục mương thoát nước chính dọc đường Nguyễn Tất Thành	53.000.000	53.000.000	100,0%	0	0,0%
c	Ban QLDA ĐT Thành phố Cam Ranh				0	
	Dự án Đường Dốc Sạn - Suối Hai (đoạn từ ấp Bà Hùng đến cống Km1+741,73): Gói thầu số 1	51.015.000	51.015.000	100,0%	0	0,0%
	Dự án Kè bảo vệ hai bờ sông Trà Long: Gói thầu số 8	685.752.000	685.752.000	100,0%	0	0,0%
d	Phòng KT-HT huyện Khánh Vĩnh				0	
	Dự án: Khu tái định cư Gia Lợi (gói thầu thi công xây dựng công trình Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật và nhà ở tái định cư)	96.738.000	96.738.000	100,0%	0	0,0%
	Dự án Nâng cấp mở rộng, hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã trung tâm huyện: Khánh Nam, Khánh Thành, Sông Cầu (gói thầu thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị công trình)	60.431.000	60.431.000	100,0%	0	0,0%
4	Kiến nghị khác	1.205.439.779.821	1.197.110.023.821	99,3%	8.329.756.000	0,7%
4.1	Kiểm toán tại Cục Thuế	18.994.730.546	18.994.730.546	100,0%	0	0,0%
	Công ty CP Thương mại và Du lịch Quốc Tế	18.994.730.546	18.994.730.546	100,0%	0	0,0%
4.2	Kiểm toán tại Sở Tài chính	1.015.479.558.454	1.007.149.802.454	99,2%	8.329.756.000	0,8%
	Nguồn kinh phí đo đạc, lập bản đồ	23.430.000.000	23.430.000.000	100,0%	0	0,0%
	Nguồn thu tiền sử dụng đất bỏ trí cho các dự án đầu tư	46.901.000.000	46.901.000.000	100,0%	0	0,0%
	KH vốn Cải tạo nâng cấp kênh chính nam HCN cam ranh và kênh chính HCN Suối Dầu 47trđ đã hết nhiệm vụ chi nhưng địa phương thực hiện chi chuyển nguồn	47.000.000	47.000.000	100,0%	0	0,0%
	Tăng nguồn CCTL chuyển qua năm sau so với số báo cáo Bộ Tài chính	40.004.900.000	40.004.900.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn CCTL từ 50% tăng thu NSDP năm 2017	249.475.500.000	249.475.500.000	100,0%	0	0,0%
	Bổ trí kế hoạch vốn để thu hồi các khoản ứng trước dự toán chi đầu tư từ năm 2014, 2015	23.734.288.115	20.790.532.115	87,6%	2.943.756.000	12,4%
	Bổ trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước dự toán chi thường xuyên	14.251.000.000	14.251.000.000	100,0%	0	0,0%
	Thu hồi các khoản tạm ứng NSDP kéo dài nhiều năm	152.362.793.000	152.362.793.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi để thu hồi các khoản tạm ứng từ năm 2016 trở đi của ngân sách địa phương	344.488.390.000	339.102.390.000	98,4%	5.386.000.000	1,6%
	Báo cáo Bộ Tài chính có biện pháp thu hồi các khoản tạm ứng ngân sách Trung ương	14.250.000.000	14.250.000.000	100,0%	0	0,0%
	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	56.774.500.000	56.774.500.000	100,0%	0	0,0%
	Chưa trích 10% từ tiền sử dụng đất của các dự án phát triển nhà ở thương mại và các dự án khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh để thành lập quỹ phát triển nhà ở theo quy định tại Nghị quyết 15/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011 của HĐND tỉnh Khánh Hòa (Chi tiết Phụ lục số 09c/BCKT-NSDP).	25.918.187.339	25.918.187.339	100,0%	0	0,0%
	Hoàn thiện thủ tục điều chỉnh Dự án trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn ứng phó biến đổi khí hậu TP Nha Trang từ nguồn vốn XDCB tập trung để tiếp tục được sử dụng nguồn kinh phí 23.842trđ.	23.842.000.000	23.842.000.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
4.3	Sở Lao động - Thương binh và XH	50.652.000	50.652.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi và sử dụng đúng mục đích nguồn CCTL tăng thêm	20.260.800	20.260.800	100,0%	0	0,0%
	Tăng số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ tại Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc người có công	30.391.200	30.391.200	100,0%	0	0,0%
4.4	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	143.428.776	143.428.776	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi và sử dụng đúng mục đích nguồn CCTL tăng thêm	125.011.173	125.011.173	100,0%	0	0,0%
	Tăng số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y	18.417.603	18.417.603	100,0%	0	0,0%
4.5	Ngân sách thành phố Cam Ranh	86.307.776.200	86.307.776.200	100,0%	0	0,0%
a	Phòng Tài chính - Kế Hoạch	79.915.877.000	79.915.877.000	100,0%	0	0,0%
	Thu hồi các khoản tạm ứng ngân sách kéo dài nhiều năm	1.376.000.000	1.376.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí đầu tư XDCB	43.884.317.000	43.884.317.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi nguồn tăng thu tồn trong kết dư ngân sách để sử dụng đúng mục đích	22.736.000.000	22.736.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi, sử dụng nguồn dự phòng còn dư theo mục đích kết dư ngân sách	11.919.560.000	11.919.560.000	100,0%	0	0,0%
b	Tại các xã	6.391.899.200	6.391.899.200	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi, sử dụng nguồn dự phòng còn dư theo mục đích kết dư ngân sách	6.391.899.200	6.391.899.200	100,0%	0	0,0%
c	Thị xã Ninh Hòa	30.385.574.894	30.385.574.894	100,0%	0	0,0%
c.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	24.938.000.000	24.938.000.000	100,0%	0	0,0%
	Tăng nguồn cải cách tiền lương chuyển sang năm sau số kiểm toán xác định tăng thêm so với số địa phương báo cáo.	10.365.000.000	10.365.000.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán.	14.573.000.000	14.573.000.000	100,0%	0	0,0%
c.2	Tại các xã	5.447.574.894	5.447.574.894	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu còn nhiệm vụ chi.	3.028.888.000	3.028.888.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi trong kết dư sử dụng đúng mục đích nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán.	2.418.686.894	2.418.686.894	100,0%	0	0,0%
4.6	Huyện Khánh Sơn	7.436.685.000	7.436.685.000	100,0%	0	0,0%
	Báo cáo nguồn CCTL tăng thêm	1.396.201.000	1.396.201.000	100,0%	0	0,0%
	Theo dõi số bổ sung có mục tiêu còn nhiệm vụ chi đang tồn trong kết dư ngân sách	6.040.484.000	6.040.484.000	100,0%	0	0,0%
4.7	Huyện Khánh Vĩnh	42.701.647.000	42.701.647.000	100,0%	0	0,0%
	Phòng Tài chính huyện Khánh Vĩnh	42.701.647.000	42.701.647.000	100,0%	0	0,0%
4.8	Tại các đơn vị đối chiếu	3.939.726.951	3.939.726.951	100,0%	0	0,0%
a	Kiểm nghị tăng	4.152.947.595	4.152.947.595	100,0%	0	0,0%
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	3.635.869.634	3.635.869.634	100,0%	0	0,0%
	Trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang	61.669.187	61.669.187	100,0%	0	0,0%
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa	455.408.774	455.408.774	100,0%	0	0,0%
b	Kiểm nghị giảm	213.220.644	213.220.644	100,0%	0	0,0%
-	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ninh Hòa	213.220.644	213.220.644	100,0%	0	0,0%
VI	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2013 tại tỉnh Khánh Hòa	7.155.051.593	6.520.381.000	91,1%	634.670.593	8,9%
1	Kiểm nghị tăng thu	500.455.593	0	0,0%	500.455.593	100,0%
1.1	Công ty TNHH Hoàng Phú DK	500.455.593	0	0,0%	500.455.593	100,0%
2	Kiểm nghị giảm chi đầu tư	6.654.596.000	6.520.381.000	98,0%	134.215.000	2,0%
2.1	Cảng cá Đại Lãnh	68.868.000	68.868.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 06	43.483.000	43.483.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 6b	25.385.000	25.385.000	100,0%	0	0,0%
2.2	Đường TL5 ĐT(65-12): gói thầu xây lắp	382.161.000	382.161.000	100,0%	0	0,0%
2.3	Cầu Phú Cốc huyện Diên Khánh	522.768.000	522.768.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu thi công	521.173.000	521.173.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	1.595.000	1.595.000	100,0%	0	0,0%
2.4	Đường Cơ động và Bến cập tàu xã đảo Cam Bình	2.040.675.000	2.040.675.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 01: Các tuyến đường giao thông nông thôn Bình Ba và Bình Hưng	369.005.000	369.005.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 02: Cầu tàu Bình Ba, Bình Hưng	1.293.110.000	1.293.110.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu xây lắp số 03	302.958.000	302.958.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí khảo sát và thiết kế BVTC-DT	3.008.000	3.008.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư bổ sung	72.594.000	72.594.000	100,0%	0	0,0%
2.5	Cầu vượt lư xã Diên Đông: Gói thầu thi công xây dựng	391.459.000	391.459.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
2.6	Cầu Phú Lộc qua Sông Cái huyện Diên Khánh (Công trình dở dang)	171.806.000	37.591.000	21,9%	134.215.000	78,1%
	- Gói thầu số 01: xây lắp phần cầu Phú Lộc	70.892.000	0	0,0%	70.892.000	100,0%
	- Gói thầu số 02: Thi công xây lắp đường dẫn (Hệ thống đường dẫn đầu cầu phía Bắc)	63.323.000	0	0,0%	63.323.000	100,0%
	- Gói thầu số 07: Thi công hệ thống điện chiếu sáng cầu và đường dẫn đầu cầu phía Bắc	7.900.000	7.900.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 15: Thi công xây lắp đường dẫn đầu cầu phía Nam	7.367.000	7.367.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí khảo sát thiết kế điện chiếu sáng cầu và đường dẫn	22.324.000	22.324.000	100,0%	0	0,0%
2.7	Khu tái định cư Vĩnh Yên	1.009.326.000	1.009.326.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 01: Hệ thống giao thông và thoát nước mưa lô N1	106.296.000	106.296.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 20: Đường L và hệ thống thoát nước mưa lô	350.854.000	350.854.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 25: Hệ thống giao thông và thoát nước mưa khu vực 1	185.260.000	185.260.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 40: San nền khu vực 2	125.301.000	125.301.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 45: Hệ thống giao thông và thoát nước mưa khu vực 1	107.330.000	107.330.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí QLDA	134.285.000	134.285.000	100,0%	0	0,0%
2.8	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Xóm Quán	1.121.501.000	1.121.501.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 09: San nền khu vực 1	44.037.000	44.037.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 15: San nền khu vực 2	236.523.000	236.523.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 21: Xây dựng công trình giao thông và thoát nước mưa khu vực 1	165.939.000	165.939.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 27: Xây dựng công trình giao thông và thoát nước mưa khu vực 2	636.826.000	636.826.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí QLDA	38.176.000	38.176.000	100,0%	0	0,0%
	Đầu tư xây dựng đường giao thông đến Nhà máy đóng tàu STX	3.747.513.000	3.747.513.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 03b: thi công xây dựng cầu Bình Tây và cầu Rờ	3.709.585.000	3.709.585.000	100,0%	0	0,0%
	- Chi phí QLDA	37.928.000	37.928.000	100,0%	0	0,0%
2.9	Kè bảo vệ Tô Hạp	382.905.000	382.905.000	100,0%	0	0,0%
2.10	Đường BTXM từ QL1A đến cầu ông Mẹo	29.207.000	29.207.000	100,0%	0	0,0%
2.11	Gói thầu: Xây dựng khu liên cơ mới	66.955.000	66.955.000	100,0%	0	0,0%
2.12	Công trình xây dựng 6 phòng phụ trợ Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	38.611.000	38.611.000	100,0%	0	0,0%
2.13	Dự án Trường Tiểu học Vĩnh Trường: Gói thầu Xây lắp	31.091.000	31.091.000	100,0%	0	0,0%
2.14	Dự án Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 1 (Công trình đa năng): Gói thầu Xây lắp	25.987.000	25.987.000	100,0%	0	0,0%
2.15	Dự án Đê kè chống xói lở hai bờ Sông Dinh: Gói thầu số 05 Xây dựng kè bờ hữu đoạn 1 từ cầu đường sắt đến cầu mới)	235.722.000	235.722.000	100,0%	0	0,0%
2.16	Đường giao thông phường Ninh Đa, đoạn từ ngã ba Cổng trắng đến giáp Chợ Cá TDP Hà Thanh 2	41.369.000	41.369.000	100,0%	0	0,0%
2.17	Gói thầu: Bê tông hóa đường Tà Gụ Sơn Hiệp	34.973.000	34.973.000	100,0%	0	0,0%
2.18	Đường liên xã Cam Hòa - Cam Hải Tây	40.604.000	40.604.000	100,0%	0	0,0%
2.19	Đường vượt lũ thôn Văn Thủy 1, thôn Tân Lập, xã Cam Phước Tây	18.608.000	18.608.000	100,0%	0	0,0%
VII	Cuộc kiểm toán NSNN niên độ 2011 tại tỉnh Khánh Hòa	9.169.578.000	9.085.076.000	99,1%	84.502.000	0,9%
1	Kiến nghị giảm chi đầu tư	9.169.578.000	9.085.076.000	99,1%	84.502.000	0,9%
1.1	Cầu Bình Tân 2: Gói thầu xây lắp	84.502.000	0	0,0%	84.502.000	100,0%
1.2	Cầu Bình Tân 2: Gói thầu xây lắp đường dẫn hai đầu cầu: Thu hồi nợ NS các khoản chi sai quy định	114.731.000	114.731.000	100,0%	0	0,0%
1.3	Hồ chứa nước Tà Lua, huyện Cam Lâm: Gói thầu xây lắp số 07 (Thi công đập đất, cống lấy nước, tràn xả lũ, nhà quản lý và chi phí chuẩn bị thi công)	56.787.000	56.787.000	100,0%	0	0,0%
1.4	Đường vòng Núi Chụt: Gói thầu xây lắp đoạn đầu làng Cửa Bé - Đường Võ Thị Sáu	67.956.000	67.956.000	100,0%	0	0,0%
1.5	Trường Trung cấp nghề Cam Ranh	141.320.000	141.320.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 1	12.904.000	12.904.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 3	128.416.000	128.416.000	100,0%	0	0,0%
1.6	Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh	485.996.000	485.996.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 1	92.786.000	92.786.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 2	393.210.000	393.210.000	100,0%	0	0,0%

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị đã thống nhất thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	Số kiến nghị chính xác, đúng quy định pháp luật đơn vị chưa thực hiện	Tỷ lệ chưa thực hiện
A	B	1	2	3	4	5
1.7	Trường Trung cấp nghề Cam Lâm: Gói thầu số 2	268.010.000	268.010.000	100,0%	0	0,0%
1.8	Trường THPT Nam Vạn Ninh:	72.687.000	72.687.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói Thầu A1: Tôn, nền, công, tường rào	25.279.000	25.279.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu xây lắp	47.408.000	47.408.000	100,0%	0	0,0%
1.9	TT kỹ thuật hướng nghiệp Cam Ranh: Gói thầu A2 Xây lắp	55.020.000	55.020.000	100,0%	0	0,0%
1.10	TT huấn luyện liên hợp thể thao Khánh Hòa: Gói thầu 3/B1: Nhà tập luyện	17.524.000	17.524.000	100,0%	0	0,0%
1.11	Nâng cấp làm mới tình lộ 6	14.100.000	14.100.000	100,0%	0	0,0%
1.12	Đường Ninh Phước - Ninh Vân	7.490.586.000	7.490.586.000	100,0%	0	0,0%
	- Công ty 505, Công ty 56	3.851.827.000	3.851.827.000	100,0%	0	0,0%
	- XN Lâm Khánh	3.638.759.000	3.638.759.000	100,0%	0	0,0%
1.13	Bệnh viện đa khoa huyện Cam Lâm	125.393.000	125.393.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu số 2: XD khối điều trị nội trú	118.112.000	118.112.000	100,0%	0	0,0%
	- Gói thầu 08: Xây lắp đường dây và trạm biến thế, hệ thống điện chiếu sáng	7.281.000	7.281.000	100,0%	0	0,0%
1.14	Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	174.966.000	174.966.000	100,0%	0	0,0%
VIII	Cuộc kiểm toán dự án Cải thiện VSMT thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1.798.980.000	1.439.741.000	80,0%	359.239.000	20,0%
1	- Gói thầu NT-1.1: Xây dựng hệ thống công cấp 1, cấp 2 và cấp 3 (chống ngập úng, thoát nước mưa, nước thải)	22.420.000	22.420.000	100,0%	0	0,0%
2	- Gói thầu NT-4.1: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Đất Lành diện tích 5,9ha	596.643.000	596.643.000	100,0%	0	0,0%
3	- Gói thầu NT-3.2: Xây dựng bãi chôn lấp mới tại Lương Hòa và đóng cửa bãi rác Rù Ri hiện hữu: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	176.226.000	0	0,0%	176.226.000	100,0%
4	- Gói thầu NT-1.4: Xây dựng trạm bơm chính phía Nam, tuyến áp lực và công truyền dẫn nước thải đến Trạm xử lý nước thải	38.798.000	38.798.000	100,0%	0	0,0%
5	- Gói thầu NT-1.5A: Xây dựng tuyến cống chung, cống thu gom nước thải tại khu vực Trung tâm	222.248.000	222.248.000	100,0%	0	0,0%
6	- Gói thầu NT-1.5B: Xây dựng tuyến cống chung, cống thu gom nước thải cấp 1,2 tại khu phía Nam bao gồm các trạm bơm, cống cấp 3 dọc tuyến cống mới	157.731.000	157.731.000	100,0%	0	0,0%
7	- Gói thầu NT-1.7: Xây dựng hệ thống cấp 3 đầu nối hộ gia đình, thay thế hồ ga ngăn mùi khu Trung tâm	18.891.000	18.891.000	100,0%	0	0,0%
8	- Gói thầu NT-2.1: Nhà máy xử lý nước thải phía Nam: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	183.013.000	0	0,0%	183.013.000	100,0%
9	- Gói thầu NT-3.2A: Khối lượng còn lại của bãi chôn lấp Lương Hòa và đóng cửa Rù Ri	383.010.000	383.010.000	100,0%	0	0,0%
IX	Cuộc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đường Phong Châu, TP Nha Trang	8.520.953.000	6.101.915.000	71,6%	2.419.038.000	28,4%
1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	8.520.953.000	6.101.915.000	71,6%	2.419.038.000	28,4%
1.1	Gói thầu số 2 - Thi công xây dựng: Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	6.101.915.000	6.101.915.000	100,0%	0	0,0%
1.2	Gói thầu số 4: Bảo hiểm công trình: Xử lý chính xác	279.831.000	0	0,0%	279.831.000	100,0%
1.3	Gói thầu số 12A - Đảm bảo giao thông Cầu Quán Trướng: Xử lý tài chính khác	626.914.000	0	0,0%	626.914.000	100,0%
1.4	Chi phí hỗ trợ, di dời theo Quyết định 3012/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 di dời hệ thống điện trung hạ áp đoạn từ đường tránh cầu Quán Trướng đến cuối dự án: Xử lý tài chính khác	1.512.293.000	0	0,0%	1.512.293.000	100,0%
X	CUỘC KIỂM TOÁN DỰ ÁN ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG (ĐOẠN TỪ BƯU ĐIỆN TỈNH ĐẾN MŨI KÊ GÀ) TỈNH KHÁNH HÒA	127.083.000	0	0,0%	127.083.000	100,0%
	- Đường đê - Hồ tiền (Km6+100-Km8+100) Hm: nền + móng đường, Bordure, bãi đỗ xe, hệ thống thoát nước, kè ta luy, rãnh bê tông	97.503.000	0	0,0%	97.503.000	100,0%
	- Đê bảo vệ đường Phạm Văn Đồng - Hạng mục: Lan can đỉnh kè - Bê tông sơn giá gỗ: Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	29.580.000	0	0,0%	29.580.000	100,0%
XI	CUỘC KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG NHÀ TRANG ĐI ĐÀ LẠT, ĐOẠN NHÀ TRANG - DIỄN KHÁNH (CAO BÁ QUÁT, CÀU LŨNG)	64.940.985.000	19.760.629.000	30,4%	45.180.356.000	69,6%

